

LỊCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 (2024-2025)

Tuần	Thứ	Ngày	Tiết/ buổi	Môn thi
24	Hai	3/3/2025	2-Sáng	Tin
	Ba	4/3/2025	1-Sáng	Công nghệ
	Tư	5/3/2025	1-Sáng	GDCD
	Năm	6/3/2025	1 -Sáng	LS&ĐL(Sử)
			4-Sáng	LS&ĐL(Địa)
	Sáu	7/3/2025	1-Sáng	GDDP
			5- Sáng	HĐTN-HN
25	Hai	10/3/2025	3+4-Sáng	KHTN
	Ba	11/3/2025	1+2 -Sáng	Văn 8,9
			3+4- Sáng	Văn 6,7
	Tư	12/3/2025	1+2- Sáng	Toán 8,9
			3-Sáng	Anh 8,9
			1+2- Chiều	Toán 6,7
			3-Chiều	Anh 6,7

ĐỀ CƯƠNG
ÔN THI GIỮA HỌC KỲ II CÁC MÔN KHỐI 6 NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN : TOÁN

A. LÝ THUYẾT

1. Đại số:

- Toàn bộ kiến thức chương IV - Một số yếu tố thống kê và xác suất.
- Kiến thức trong Chương V bao gồm các bài: Phân số với tử và mẫu là số nguyên; So sánh phân số, hỗn số dương; Phép cộng, phép trừ phân số

2. Hình học

- Kiến thức trong chương VI bao gồm các bài: Điểm, đường thẳng; Hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song; Đoạn thẳng; Tia.

B. BÀI TẬP

I. Phần trắc nghiệm: Chọn đáp án đúng

Câu 1. Điểm thi môn Văn của lớp 6A được ghi lại trong bảng sau:

6	6	7	6	5	6
8	8	9	7	5	5
5	7	5	5	4	7
7	5	4	7	6	8
3	4	6	3	7	7

a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh:

- A. 25 B. 30 C. 35 D. 45

b) Có bao nhiêu bạn được 7 điểm:

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

c) Có bao nhiêu bạn được từ 8 điểm trở lên:

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

d) Có bao nhiêu bạn được điểm dưới 5 điểm

- A. 12 B. 7 C. 5 D. 3

Câu 2: Biểu đồ tranh ở dưới cho biết số ô tô bán được của một cửa hàng trong 4 tháng cuối năm

Tháng	Số ô tô
9	
10	
11	
12	
 : 20 xe  : 10 xe	

a) Tháng nào cửa hàng bán được nhiều xe nhất?

- A. Tháng 9 B. Tháng 10 C. Tháng 11 D. Tháng 12

b) Tháng nào cửa hàng bán được ít xe nhất?

- A. Tháng 9 B. Tháng 10 C. Tháng 11 D. Tháng 12

c) Tháng 9 cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe?

- A. 20 B. 30 C. 60 D. 90

d) Tháng 10 cửa hàng bán được nhiều hơn tháng 11 bao nhiêu chiếc xe?

A. 10 B. 20 C. 40 D. 50

e) Tính tổng số xe cửa hàng bán được trong 4 tháng cuối năm.

A. 100 B. 110 C. 200 D. 220

Câu 3. Nếu tung đồng xu 12 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng bao nhiêu?

A. $\frac{7}{12}$ B. $\frac{5}{12}$ C. $\frac{12}{7}$ D. $\frac{12}{5}$

Câu 4. Nếu tung đồng xu 17 lần liên tiếp, có 6 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng bao nhiêu?

A. $\frac{6}{17}$ B. $\frac{11}{17}$ C. $\frac{17}{6}$ D. $\frac{17}{11}$

Câu 5. Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{0,25}{-3}$ C. $\frac{5}{0}$ D. $\frac{6,23}{7,4}$

Câu 6. Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{3}{4}$?

A. $\frac{13}{20}$ B. $\frac{3}{9}$ C. $\frac{6}{8}$ D. $\frac{10}{75}$

Câu 7. Phân số đối của phân số $-\frac{16}{25}$?

A. $\frac{16}{25}$ B. $\frac{25}{16}$ C. $\frac{6}{8}$ D. $\frac{10}{75}$

Câu 8. Hãy chọn cách so sánh đúng?

A. $\frac{-2}{4} < \frac{-3}{4}$ B. $\frac{-4}{5} < \frac{-3}{5}$ C. $\frac{1}{4} < \frac{-3}{4}$ D. $\frac{-1}{6} < \frac{-5}{6}$

Câu 9. Hỗn số $5\frac{2}{3}$ được viết dưới dạng phân số?

A. $\frac{17}{3}$ B. $\frac{3}{17}$ C. $\frac{5}{3}$ D. $\frac{4}{3}$

Câu 10. Giá trị của tổng $\frac{-7}{6} + \frac{18}{6}$?

A. $\frac{-4}{6}$ B. $\frac{11}{6}$ C. -1 D. $\frac{-85}{72}$

Câu 11. Điểm A không thuộc đường thẳng d được kí hiệu?

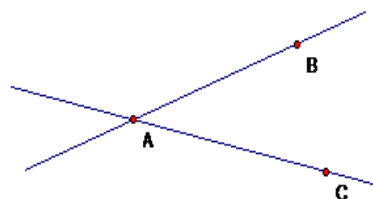
A. $d \in A$ B. $A \in d$ C. $A \notin d$ D. $A \subset d$

Câu 12. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B?

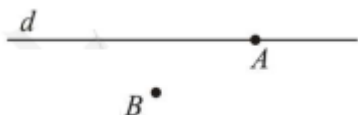
A. 1 B. 2 C. 3 D. Vô số đường thẳng

Câu 13. Cho hình vẽ bên, khẳng định nào sau đây là đúng

A. Hai đường thẳng AB và AC cắt nhau
B. Hai đường thẳng AB và AC song song với nhau.
C. Hai đường thẳng AB và AC trùng nhau
D. Hai đường thẳng AB và AC có hai điểm chung



Câu 14. Cho hình vẽ dưới đây, phát biểu nào sau đây đúng?



- A. Điểm A thuộc đường thẳng d, điểm B không thuộc đường thẳng d.
 B. Điểm A không thuộc đường thẳng d, điểm B không thuộc đường thẳng d.
 C. Điểm A không thuộc đường thẳng d, điểm B thuộc đường thẳng d.
 D. Điểm A thuộc đường thẳng d, điểm B thuộc đường thẳng d.

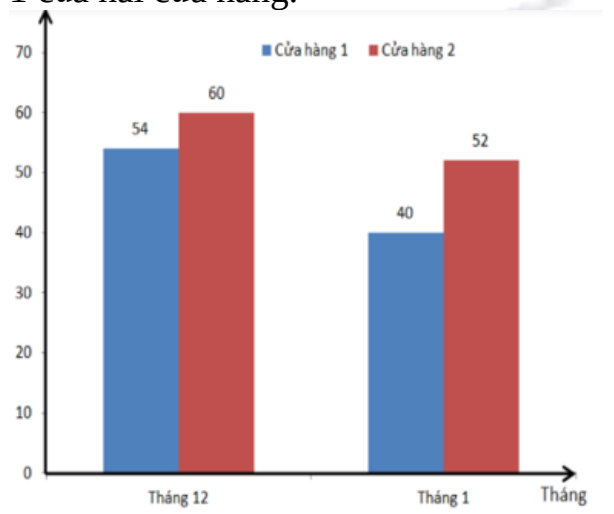
Câu 15. Có bao nhiêu điểm thuộc một đường thẳng a bất kì?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. Có vô số

II. Phần Tự luận:

Dạng 1. Toán về thống kê và xác suất thực nghiệm

Bài 1. Biểu đồ cột kép ở hình dưới cho biết số máy suối được bán ra trong tháng 12 và tháng 1 của hai cửa hàng.



a) Tính tổng số máy suối cả hai cửa hàng bán được trong tháng 12

b) Trong tháng 11, cửa hàng 2 bán được nhiều hơn cửa hàng 1 bao nhiêu chiếc máy suối?

Bài 2. Điểm kiểm tra Toán của 10 học sinh trong tổ 1 lớp 6A được ghi lại như sau:

6 8 7 7 6 7 5 6 8 5

a) Em hãy lập bảng thống kê tương ứng

b) Hãy cho biết đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê?

Bài 3. Bạn Khánh gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối 40 lần liên tiếp và thống kê lại số lần xuất hiện số chấm trong bảng sau:

Số chấm	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần	8	6	4	5	5	12

a) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm

b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số lẻ

c) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện các mặt từ 4 chấm trở lên

Bài 4. Trong 1 hộp có 1 bóng xanh, 1 bóng đỏ và 1 bóng vàng. Hòa lấy ra ngẫu nhiên một quả bóng trong hộp, ghi lại màu quả bóng rồi trả nó lại hộp. Kết quả thu được sau 9 lần lấy bóng cho ở bảng sau:

Lần lấy bóng	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Màu bóng	X	V	X	Đ	X	X	V	Đ	V

a) Hãy cho biết có bao nhiêu kết quả khác nhau có thể xảy ra trong mỗi lần lấy bóng?

b) Nêu hai điều cần lưu ý trong mô hình xác suất của trò chơi trên

Dạng 2. Toán về phân số

Bài 5. Rút gọn phân số

a) $\frac{-55}{132}$

b) $\frac{-14}{8}$

c) $\frac{42}{-24}$

d) $\frac{-2.5+5}{8+5}$

Bài 6. So sánh các phân số sau: a) $\frac{3}{14}$ và $\frac{-6}{14}$

b) $\frac{7}{-12}$ và $\frac{11}{-18}$

Bài 7. Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể).

a) $\frac{-5}{8} + \frac{1}{8}$

b) $\frac{-19}{16} - \frac{5}{16}$

c) $\frac{5}{16} - \frac{5}{24}$

d) $\frac{11}{7} + \frac{-5}{21}$

e) $\frac{-5}{8} + \frac{12}{7} + \frac{13}{8} + \frac{2}{7}$

g) $\frac{-3}{7} + \frac{5}{13} + \frac{-4}{7}$

h) $\frac{-3}{4} + \frac{-1}{4} + \frac{2}{7} + \frac{5}{7} + \frac{3}{5}$

Bài 8: Tìm x, biết:

a) $x - \frac{3}{4} = \frac{1}{2}$

b) $\frac{-3}{4} - x = \frac{-7}{12}$

c) $x + \frac{-3}{4} = \frac{-11}{3}$

d) $\frac{-5}{6} - x = \frac{7}{12} + \frac{-1}{3}$

e) $\frac{42}{54} = \frac{7}{x}$

f) $\frac{-2}{3} = \frac{y}{15}$

g) $\frac{x+1}{3} = \frac{22}{6}$

h) $\frac{6}{10} = \frac{3}{x} = \frac{y}{-20}$

Bài 9. Mỗi cặp phân số sau có bằng nhau không: a) $\frac{4}{-5} = \frac{-20}{25}$

b) $\frac{2}{3} = \frac{-5}{-8}$

Dạng 3. Toán hình

Bài 10. Qua điểm O vẽ đường thẳng xy, lấy điểm M thuộc tia Ox, N thuộc tia Oy sao cho OM = 3cm, ON = 6cm.

a) Vẽ hình theo cách diễn đạt trên

b) Trong ba điểm M, O, N điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại

c) Tính độ dài MN

d) Kể tên hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau

Bài 11. Vẽ hình theo các diễn đạt sau:

- Vẽ ba điểm A, B, C thẳng hàng sao cho B nằm giữa hai điểm A và C

- Vẽ điểm D không thuộc đường thẳng AC

- Vẽ đoạn thẳng DB

- Kể tên các đoạn thẳng trong hình vẽ trên

Bài 12. Vẽ đoạn thẳng AB = 8cm, điểm M là trung điểm AB. Tính độ dài đoạn thẳng AM.

Bài 13. Cho hình vẽ bên

a) Hãy chỉ ra các điểm thuộc đoạn thẳng BD, các điểm không thuộc đoạn thẳng BD

b) Chỉ ra các cặp đường thẳng song song

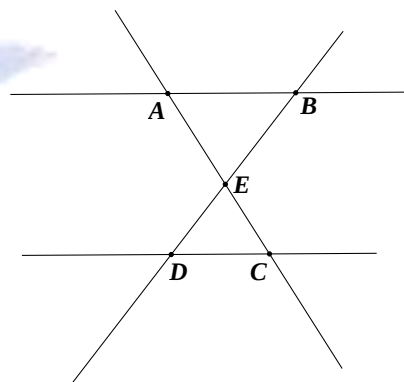
c) Chỉ ra các cặp đường thẳng cắt nhau và xác định giao điểm.

Bài 14. Cho AB = 6cm, điểm I nằm giữa hai điểm A và B sao cho AI = 2cm.

a) Kể tên các đoạn thẳng trong hình vẽ trên

b) Tính độ dài đoạn thẳng BI

c) Trên tia đối tia BA lấy điểm M sao cho AM = 10cm. So sánh AB và IM



Dạng 4. Bài tập nâng cao

Bài 1. Tìm phân số bằng phân số $\frac{35}{80}$ biết tổng của mẫu số và hai lần tử số bằng 210.

Bài 2. Tính giá trị biểu thức: $A = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{2023.2024}$

Bài 3. Chứng minh rằng: $A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{50^2} < 1$

Bài 4. Cho phân số $B = \frac{2-3x}{x+1}$. Tìm số nguyên x để B nhận giá trị là số nguyên tố

MÔN: TIN

1) Cấu trúc đề kiểm tra:

- Hình thức đề: Trắc nghiệm (17 câu gồm đầy đủ các dạng: câu hỏi nhiều lựa chọn, câu hỏi điền khuyết, câu hỏi đúng sai) và tự luận.
- Thời gian làm bài: 45 phút.

2) Câu hỏi ôn tập: Các dạng câu hỏi sau:

A – TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Khi sử dụng internet, những việc làm nào sau đây không thể khiến em bị hại.

- A. Tải phần mềm, tệp miễn phí trên internet.
- B. Mở liên kết được cung cấp trong thư điện tử không biết rõ nguồn gốc.
- C. Định kì thay đổi mật khẩu của tài khoản cá nhân trên mạng xã hội và thư điện tử.
- D. Làm theo các bài hướng dẫn sử dụng thuốc trên mạng.

Câu 2: Theo em, tình huống nào sau đây giúp ích cho em khi sử dụng internet.

- A. Thông tin cá nhân hoặc tập thể bị đánh cắp.
- B. Bị bạn quen trên mạng lừa đảo.
- C. Hoàn thành chương trình học tập trên mạng Internet
- D. Nghiện mạng xã hội, nghiện trò chơi trên mạng.

Câu 3: Theo em, tình huống nào sau đây không gặp rủi ro khi sử dụng internet?

- A. Hoàn thành chương trình học ngoại ngữ trực tuyến.
- B. Nghiện mạng xã hội, nghiện trò chơi trên mạng.
- C. Máy tính bị hỏng do nhiễm virus hoặc mã độc .
- D. Thông tin cá nhân hoặc tập thể bị đánh cắp.

Câu 4: Để soạn thảo văn bản trên máy tính cần phải có?

- A. Máy tính và phần mềm soạn thảo.
- B. Máy in.
- C. Loa.
- D. Viết, thước, tập...

Câu 5: Trong phần mềm soạn thảo văn bản Word 2010, lệnh Portrait dùng để

- A. chọn hướng trang đứng.
- B. chọn hướng trang ngang.
- C. chọn lề trang.
- D. chọn lề đoạn văn bản.

Câu 6: Hãy cho biết cách gõ dấu câu nào sau đây là đúng?

- A. Trời nắng, ánh mặt trời rực rỡ.
- B. Trời nắng , ánh mặt trời rực rỡ.
- C. Trời nắng, ánh mặt trời rực rỡ.
- D. Trời nắng , ánh mặt trời rực rỡ.

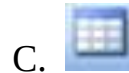
Câu 7: Công việc nào dưới đây không thuộc định dạng văn bản:

- A. Thay đổi phông chữ
- B. Thay đổi cỡ chữ
- C. Lưu nội dung văn bản
- D. Thay đổi khoảng cách giữa các dòng

Câu 8: Phát biểu nào đúng khi nói đến các cách để xác định đoạn văn bản cần định dạng

- A. Đánh dấu toàn bộ đoạn văn bản.
- B. Đánh dấu một phần đoạn văn bản.
- C. Đặt con trỏ vào trong đoạn văn bản
- D. Hoặc A hoặc B hoặc C.

Câu 9: Để tạo bảng ta có thể chọn nút lệnh:



Câu 10: Phát biểu nào trong các phát biểu sau là sai?

- A. Bảng giúp trình bày thông tin một cách cô đọng.
- B. Bảng giúp tìm kiếm, so sánh và tổng hợp thông tin một cách dễ dàng hơn.
- C. Bảng chỉ có thể biểu diễn dữ liệu là những con số.
- D. Bảng có thể dùng để ghi lại dữ liệu của công việc thống kê, điều tra, khảo sát,...

Câu 11: Để thêm cột nằm bên trái của bảng ta thực hiện lệnh nào trong các lệnh sau?

- A. Table Tools/ Layout/ Insert Right
- B. Table Tools/ Layout/ Delete/ Table
- C. Table Tools/ Layout/ Insert Left
- D. Table Tools/ Layout/ Insert Above

Câu 12: Để thêm cột nằm bên phải của bảng ta thực hiện lệnh nào trong các lệnh sau?

- A. Table Tools/ Layout/ Delete/ Table
- B. Table Tools/ Layout/ Insert Right
- C. Table Tools/ Layout/ Insert Left
- D. Table Tools/ Layout/ Insert Above

Câu 13: Phần mềm nào sau đây là phần mềm Sơ đồ tư duy

- A. Xmind
- B. Bmindmap 10
- C. Word
- D. Cả A, B đều đúng

Câu 14: Sơ đồ tư duy không giúp chúng ta điều gì:

- A. Ghi nhớ tốt hơn
- B. Giải các bài toán
- C. Sáng tạo hơn
- D. Nhìn thấy bức tranh tổng thể

Câu 15: Thông tin trong sơ đồ tư duy thường được tổ chức thành:

- A. Tiêu đề, đoạn văn
- B. Chủ đề chính, chủ đề nhánh
- C. Mở bài, thân bài, kết bài
- D. Chương, bài, mục

Câu 16: Chọn đáp án sai trong các câu sau:

- A. Sơ đồ tư duy là một công cụ tổ chức thông tin phù hợp với quá trình tư duy
- B. Sơ đồ tư duy là một phương pháp chuyển tải thông tin
- C. Sơ đồ tư duy là một cách ghi chép sáng tạo
- D. Sơ đồ tư duy là một công cụ soạn thảo văn bản

Câu 17: Ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy thủ công trên giấy là gì?

- A. Dễ sắp xếp, bố trí, thay đổi, thêm bớt nội dung
- B. Sản phẩm tạo ra dễ dàng sử dụng cho các mục đích khác nhau
- C. Sản phẩm tạo ra nhanh chóng, dễ dàng chia sẻ cho nhiều người ở các địa điểm khác nhau
- D. Có thể thực hiện ở bất cứ đâu, chỉ cần giấy và bút. Thể hiện được phong cách riêng của người tạo

Câu 18: Đối với cột của bảng em có thể:

- A. Xóa bớt một cột;
- B. Chèn thêm một cột;
- C. Cả A và B đúng;
- D. Không thể chèn thêm hoặc xóa cột của bảng.

Câu 19: Bạn An đã nhập số hàng, số cột như hình để tạo bảng. Bảng được tạo sẽ có:

- A. 4 cột, 35 hàng
- B. 35 cột, 35 hàng
- C. 35 cột, 4 hàng
- D. 4 cột, 4 hàng

Table size

Number of columns: 4

Number of rows: 35

Câu 20: Muốn xóa một hàng trong bảng, sau khi chọn hàng cần xóa, em chọn lệnh nào?

- A. Delete Cells
- B. Delete Rows
- C. Delete Columns
- D. Delete Table

B – TỰ LUẬN:

Câu 1: Sơ đồ tư duy là gì? Theo em vẽ sơ đồ tư duy có những ưu điểm và hạn chế gì?

Câu 2: Hãy nêu các bước tạo bảng và định dạng bảng?

Câu 3: Hãy nêu các bước thực hiện định dạng văn bản?

Câu 4: Khi còn ngồi trên ghế nhà trường, em làm thế nào để sử dụng mạng xã hội và chia sẻ thông tin trên Internet có hiệu quả?

MÔN: KHTN

I. Lý thuyết

Phạm vi ôn tập:

- Nguyên sinh vật.
- Nấm.
- Thực vật.
- Động vật.

II. BÀI TẬP MINH HỌA

a. Trắc nghiệm:

DANG1: Câu trắc nghiệm khách quan nhiều phương án lựa chọn.

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Nội dung nào dưới đây là đúng khi nói về nguyên sinh vật?

- A. Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi.
- B. Nguyên sinh vật là nhóm động vật đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi.
- C. Hầu hết nguyên sinh vật là cơ thể đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi. Một số có cấu tạo đa bào, kích thước lớn, có thể nhìn thấy bằng mắt thường.
- D. Hầu hết nguyên sinh vật là cơ thể đa bào, nhân thực, kích thước lớn, có thể nhìn thấy rất rõ bằng mắt thường.

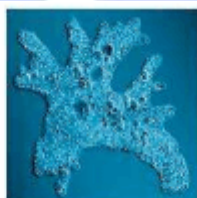
Câu 2: Trong các sinh vật dưới đây, sinh vật nào không phải là nguyên sinh vật?



(1)



(2)



(3)



(4)

- A. Hình (1) B. Hình (2) C. Hình (3) D. Hình (4)

Câu 3: Bệnh sốt rét lây truyền theo đường nào?

- A. Đường tiêu hóa B. Đường hô hấp
- C. Đường tiếp xúc D. Đường máu

Câu 4: Biện pháp nào sau đây **không** giúp chúng ta tránh bị mắc bệnh sốt rét?

- A. Mặc màn khi đi ngủ B. Diệt muỗi, diệt bọ gậy
- C. Phát quang bụi rậm D. Mặc đồ sáng màu để tránh bị muỗi đốt

Câu 5: Ý nào sau đây không phải là vai trò của nguyên sinh vật với con người?

- A. Cộng sinh tạo mối quan hệ cần thiết cho sự sống của con người
- B. Cung cấp thực phẩm cho con người
- C. Dùng làm nguyên liệu trong sản xuất chất dẻo

D. Chỉ thị độ sạch của nước

Câu 6: Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Nấm là sinh vật đơn bào hoặc đa bào nhân thực
- B. Nấm hương, nấm mốc là đại diện thuộc nhóm nấm túi
- C. Chỉ có thể quan sát nấm dưới kính hiển vi
- D. Tất cả các loài nấm đều có lợi cho con người

Câu 7: Trong số các tác hại sau, tác hại nào không phải do nấm gây ra?

- A. Gây bệnh nấm da ở động vật.
- B. Làm hư hỏng thực phẩm, đồ dùng.
- C. Gây bệnh viêm gan B ở người.
- D. Gây ngộ độc thực phẩm ở người.

Câu 8: Bào tử đảm là cơ quan sinh sản của loại nấm nào sau đây?

- A. Nấm hương B. Nấm bụng dê
- C. Nấm mốc D. Nấm men

Câu 9: Quá trình chế biến rượu vang cần sinh vật nào sau đây là chủ yếu?

- A. Nấm men B. Vi khuẩn
- C. Nguyên sinh vật D. Virus

Câu 10: Loại nấm nào dưới đây là nấm đơn bào?

- A. Nấm hương B. Nấm mỡ
- C. Nấm men D. Nấm linh chi

Câu 11: Loại nấm nào sau đây được dùng làm thuốc?

- A. Nấm đùi gà B. Nấm kim châm
- C. Nấm thông D. Đông trùng hạ thảo

Câu 12: Đặc điểm của người bị bệnh hắc lao là?

- A. Xuất hiện những vùng da phát ban đỏ, gây ngứa
- B. Xuất hiện các mụn nước nhỏ li ti, ngứa ngứa
- C. Xuất hiện vùng da có dạng tròn, đóng vảy, có thể sưng đỏ và gây ngứa
- D. Xuất hiện những bong nước lớn, không ngứa, không đau nhức

Câu 13: Thực vật được chia thành các ngành nào?

- A. Nấm, Rêu, Tảo và Hạt kín B. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín
- C. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm D. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết

Câu 14: Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là?

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.
- B. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bào tím, cây vạn tuế.
- C. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.
- D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

Câu 15: Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO₂

B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO₂ và O₂

C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O₂

D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO₂

Câu 16: Trong các thực vật sau, loài nào được xếp vào nhóm Hạt kín?

A. Cây bưởi B. Cây vụn tuế C. Rêu tản D. Cây thông

Câu 17: Ở dương xỉ, các túi bào tử nằm ở đâu?

A. Mặt dưới của lá B. Mặt trên của lá

C. Thân cây D. Rễ cây

Câu 18: Bộ phận nào dưới đây chỉ xuất hiện ở ngành Hạt trần mà không xuất hiện ở các ngành khác?

A. Quả B. Hoa C. Noãn D. Rễ

Câu 19: Vì sao nói Hạt kín là ngành có ưu thế lớn nhất trong các ngành thực vật?

A. Vì chúng có hệ mạch B. Vì chúng có hạt nằm trong quả

C. Vì chúng sống trên cạn D. Vì chúng có rễ thật

Câu 20: Sự đa dạng của động vật được thể hiện rõ nhất ở:

A. Cấu tạo cơ thể và số lượng loài.

B. Số lượng loài và môi trường sống.

C. Môi trường sống và hình thức dinh dưỡng.

D. Hình thức dinh dưỡng và hình thức vận chuyển.

Câu 21: Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là?

A. Hình thái đa dạng. B. Có xương sống.

C. Kích thước cơ thể lớn. D. Sống lâu.

Câu 22: Tập hợp các loài nào sau đây thuộc lớp Động vật có vú (Thú)?

A. Tôm, muỗi, lợn, cừu B. Bò, châu chấu, sư tử, voi

C. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ D. Gấu, mèo, dê, cá heo

Câu 23: Nhóm động vật nào sau đây có số lượng loài lớn nhất?

A. Nhóm cá B. Nhóm chân khớp

C. Nhóm giun D. Nhóm ruột khoang

Câu 24: Cá heo trong hình bên là đại diện của nhóm động vật nào sau đây?

A. Cá B. Thú C. Lưỡng cư D. Bò sát

Câu 25: Động vật có xương sống bao gồm:

A. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú

B. Cá, chân khớp, bò sát, chim, thú

C. Cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, thú

D. Thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú

Câu 26: Các loài nào dưới đây là vật chủ trung gian truyền bệnh?

A. Ruồi, chim bồ câu, ếch B. Rắn, cá heo, hổ



C. Ruồi, muỗi, chuột D. Hươu cao cổ, đà điểu, dơi

Câu 25: Đa dạng sinh học không biểu thị ở tiêu chí nào sau đây?

- A. Đa dạng nguồn gen. B. Đa dạng hệ sinh thái.
C. Đa dạng loài. D. Đa dạng môi trường.

Câu 28: Trong các sinh cảnh sau, sinh cảnh nào có đa dạng sinh học lớn nhất?

- A. Hoang mạc B. Rừng ôn đới
C. Rừng mưa nhiệt đới D. Đài nguyên

Câu 29: Lạc đà là động vật đặc trưng cho sinh cảnh nào?

- A. Hoang mạc B. Rừng ôn đới
C. Rừng mưa nhiệt đới D. Đài nguyên

Câu 30: Động vật nào sau đây không nằm trong Sách Đỏ Việt Nam?

- A. Cá heo B. Sóc đen Côn Đảo
C. Rắn lục mũi hếch D. Gà lôi lam đuôi trắng

DANG 2: Câu trắc nghiệm đúng, sai:

Câu 31: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai về đặc điểm của Nấm?

STT	Nhận định	Đúng	Sai
1	Nấm là sinh vật dị dưỡng		
2	Nấm là sinh vật tự dưỡng		
3	Nấm không cần thức ăn		
4	Thức ăn của nấm là các chất hữu cơ có trong môi trường.		

Câu 32: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai về Tảo Lục đơn bào?

STT	Nhận định	Đúng	Sai
1	Có màu xanh lục		
2	Có màu vàng nhạt		
3	Có nhiều hạt lục lạp		
4	Có duy nhất một hạt lục lạp		

Câu 33: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai về đặc điểm của Tảo Silic?

STT	Nhận định	Đúng	Sai
1	Không có thành tế bào		
2	Có thể sống độc lập		
3	Không có vách ngăn ở giữa		
4	Có thể sống thành tập đoàn		

Câu 34: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai?

STT	Nhận định	Đúng	Sai
1	Rêu là thực vật không có mạch dẫn		
2	Dương xỉ là thực vật không có hạt		
3	Cây thông không có mạch dẫn		
4	Cây sen không có hạt		

Câu 35: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai về đại diện nhóm thực vật hạt trần và hạt kín?

STT	Nhận định	Đúng	Sai
1	Cây ôi thuộc nhóm thực vật hạt trần		
2	Cây vạn tuế thuộc nhóm thực vật hạt kín		
3	Cây sen thuộc nhóm thực vật hạt kín		
4	Cây thông thuộc nhóm thực vật hạt trần		

Câu 36: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai?

STT	Nhận định	Đúng	Sai
1	Động vật chỉ có thể sống ở môi trường cạn		
2	Động vật bao gồm các sinh vật đa bào, nhân thực, dị dưỡng		
3	Khác với thực vật, tế bào của động vật không có thành tế bào, hầu hết động vật có khả năng di chuyển		
4	Tất cả các động vật đều có lợi cho con người		
5	Bò sát có thể hô hấp bằng da và phổi		
6	Chim có bộ lông vũ bao phủ, chỉ trước biến đổi thành cánh, tất cả các loài thuộc lớp Chim đều có đời sống bay lượn		

DẠNG 3: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn:

Hiện nay mô hình trồng nấm đang rất phổ biến. Một người nông dân đã thực hiện mô hình trồng nấm bào ngư với các chi phí ban đầu như sau:

Chi phí xây dựng nhà trồng nấm	30 000 000 đồng
Chi phí làm kệ chứa phôi nấm	10 000 000 đồng
Chi phí mua 10 000 bịch phôi nấm	39 000 000 đồng
Chi phí điện nước cho một vụ nấm (4 tháng)	800 000 đồng

Chi phí vận chuyển năm	4 000 000 đồng
------------------------	----------------

Sau 1 vụ 4 tháng người nông dân thu được kết quả sau

Sản lượng năm bảo ngư thu được	2 800 kg
Giá bán	28 000 đồng/kg

Câu 37: Hãy tính tổng chi phí xây dựng nhà trồng nấm và chi phí làm kệ chứa phôi mà người nông dân phải trả sau 1 vụ 4 tháng?

Câu 38: Hãy tính chi phí mua 20000 bịch phôi mà người nông dân phải trả?

Câu 39: Hãy tính tổng chi phí ban đầu mà người nông dân phải trả sau 1 vụ 4 tháng?

Câu 40: Hỏi sau vụ đầu tiên, người nông dân lỗ hay lãi? Nếu lãi thì người nông dân lãi bao nhiêu tiền? Nếu lỗ thì người nông dân lỗ bao nhiêu tiền?

b. Tư luận

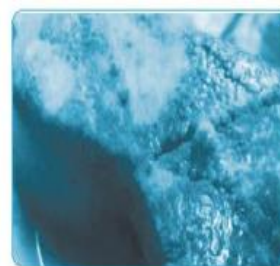
Câu 41: Trong cuộc sống có thể bắt gặp rất nhiều các loại thực phẩm bị mốc như: bánh chưng, cam, bánh mì,... Mỗi loại thực phẩm khi bị mốc lại có màu sắc khác nhau. Dựa vào kiến thức của mình, em hãy giải thích vì sao các loại thực phẩm đó lại bị mốc và màu sắc đám mốc ở mỗi loại thực phẩm lại khác nhau.



Mốc ở bánh mì



Mốc ở cam



Mốc ở bánh chưng

Câu 42: Rừng có vai trò rất quan trọng đối với tự nhiên và con người. Hiện nay, diện tích rừng ngày càng thu hẹp. Em hãy tìm hiểu và cho biết những nguyên nhân nào dẫn đến thu hẹp diện tích rừng. Với thực trạng như vậy sẽ dẫn đến những hậu quả gì đối với tự nhiên và con người.

Câu 43:

a. Ở nước ta, qua điều tra cho thấy tỉ lệ người mắc bệnh giun đũa cao, tại sao?

b. Vì sao rửa sạch rau sống lại có thể phòng trừ bệnh giun sán?

c. Tại sao nói giun đất là bạn của nhà nông?

Câu 44:

a. Theo em, cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của thực vật hạt kín có đặc điểm nào giúp chúng có mặt ở nhiều nơi và thích nghi với nhiều điều kiện sống khác nhau?

b. Ở các vùng ven biển, người ta thường trồng phi lao ngoài đê biển để tạo thành “rừng phòng hộ ven biển”. Rừng phòng hộ ven biển có tác dụng gì?

Câu 45: Cho các đại diện sinh vật: cá mập, cá voi, chim cánh cụt, ếch, giun, cá sấu, thú mỏ vịt, cua, san hô, giun đất, hên, mực, bọ cánh cam, lươn, hươu, cá ngựa. Hãy sắp xếp chúng vào các nhóm động vật theo bảng sau:

Nhóm động vật	Đại diện sinh vật

Câu 46: Rau sống, gỏi cá, nem chua, tiết canh ... là những món ăn tái, sống. Khi ăn các thực phẩm tái, sống không đảm bảo vệ sinh có nguy cơ mắc bệnh rất cao. Em hãy cho biết:

- a. Các bệnh có thể mắc phải khi ăn các thức ăn tái, sống, không đảm bảo vệ sinh như trên?
- b. Tác nhân gây bệnh và hậu quả?

MÔN: NGỮ VĂN

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

CHƯƠNG 1. Phần I: Đọc

Các thể loại: truyện truyền thuyết, truyện cổ tích, thơ lục bát.

CHƯƠNG 2. Yêu cầu:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết và truyện cổ tích (cốt truyện, mạch truyện, nhân vật, ngôi kể, yếu tố kì ảo,...)
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Nhận biết được đặc điểm của thể thơ lục bát.
- Hiểu và trình bày được ý nghĩa các chi tiết, nhân vật trong văn bản truyện truyền thuyết, truyện cổ tích.
- Chỉ ra được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản
- Biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tế

CHƯƠNG 3. Phần II: Thực hành tiếng Việt

1. Từ đơn, từ phức, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.
2. Nghĩa của từ, thành ngữ, từ đồng âm, đa nghĩa, từ mượn
3. Biện pháp tu từ: So sánh, điệp ngữ, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ.
4. Dấu câu: dấu ngoặc kép, dấu chấm phẩy

BÀI 8. * Yêu cầu về Tiếng Việt

- Nhận diện được đơn vị kiến thức Tiếng Việt cơ bản trong văn bản.
- Nêu vai trò, tác dụng của các đơn vị kiến thức trong văn bản.
- Vận dụng kiến thức trong thực hành nói và viết.

CHƯƠNG 4. Phần III: Viết

CHƯƠNG 5. Viết bài văn kể lại một câu truyện truyền thuyết bằng lời văn của em

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát

Viết đoạn văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh địa phương.

BÀI 8. * Yêu cầu về Tập làm văn:

- Vận dụng các kĩ năng viết bài văn, đoạn văn đảm bảo theo các bước đã học
- Xác định được trình tự kể và xây dựng bố cục bài văn tự sự.
- Đoạn văn nêu được cảm xúc cá nhân em khi đọc 1 đoạn thơ lục bát hoặc giới thiệu về 1 danh lam thắng cảnh.
- Biết vận dụng các kỹ năng đó vào tạo lập văn bản.

CHỦ ĐỀ 3. B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP THAM KHẢO**Bài 1:****A.** Hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Thế nào là truyện truyền thuyết, mạch truyện tuyến tính? Cốt truyện? Nhân vật chính có đặc điểm gì?
- Người kể chuyện là ai? Có những ngôi kể nào? Yếu tố kì ảo có vai trò gì trong truyện?
- Nêu một số đặc điểm chính của thơ (hình thức, nội dung, ngôn ngữ, nghệ thuật) ?
- Nêu đặc điểm của thể thơ lục bát: số tiếng/ dòng? số dòng/ bài? ngắt nhịp? gieo vần?

CHỦ ĐỀ 4. Bài 2:**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN****Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

Tự nhiên, một hôm có một đàn chim lớn bay từ phương tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát (1). Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu vang cả lên, thả xuống năm sáu hột(2). Ít lâu sau từ những hột ấy mọc ra một loại cây dây bò lan xanh um cả bãi, có rất nhiều quả xanh mướt, to bằng đầu người(3). Mai An Tiêm thấy một quả, bỏ ra thấy ruột đỏ hồng, hột đen nhánh(4). Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị ngòn ngọt thanh thanh, Mai reo lên(5):

- Ôi đây là thứ dưa lạ, chưa từng thấy bao giờ(6). Hãy gọi nó là dưa tây, vì thứ dưa này được bầy chim đưa từ phương tây lại từ đất liền ra cho chúng ta(7). Trời nuôi sống chúng ta rồi(8)

(Nguyễn Đồng Chí. Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, tập 1, NXB Khoa học xã hội, 1976, tr. 8)

Câu 1: Đoạn trích trên viết theo thể loại nào?

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| A. Truyện cổ tích. | B. Truyện đồng thoại. |
| C. Truyện truyền thuyết. | D. Truyện cười. |

Câu 2: Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể nào?

- | | |
|----------------------------|------------------------------|
| A. Ngôi thứ nhất | B. Ngôi thứ hai |
| C. Ngôi thứ ba (Nhận biết) | D. Cả ngôi thứ nhất với ngôi |

Câu 3: Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

- | | |
|--------------|----------------|
| A. Người vợ | B. Mai An Tiêm |
| C. Người con | D. Đàn chim |

Câu 4: Nghĩa của từ “ngòn ngọt” là:

- | | |
|--|--------------------------------------|
| A. vị ngọt, nhưng có mức độ nhạt hơn so với ngọt | B. Vị ngọt nhưng pha chút của vị mặn |
| C. Vị ngọt, nhưng có mức độ ngọt đậm | D. Vị nhạt, xem lẫn chút vị ngọt |

Câu 5: Xác định biện pháp tu từ trong câu 3.

- | | |
|-------------|-------------|
| A. Nhân hóa | B. Điệp ngữ |
| C. So sánh | D. Ẩn dụ |

Câu 6: Đàn chim lớn đã làm gì để giúp đỡ Mai An Tiêm?

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| A. Mang những hạt thóc đến | B. Mang hạt dưa lạ đến (Thông hiểu) |
| C. Hát để Mai An Tiêm vui | D. Động viên, an ủi Mai An Tiêm |

Câu 7: Trong câu (1), “một đàn chim lớn” là:

- | | |
|----------------|----------------|
| A. cụm danh từ | B. cụm động từ |
|----------------|----------------|

C. cụm tính từ

D. vừa là cụm danh từ vừa là cụm động từ

Câu 8: Theo suy luận của em, chi tiết nào trong đoạn trích cho biết về đặc điểm của giống dưa hấu khiến các nhân vật trong truyện phải tò mò?

- A. Một đàn chim lớn bay từ phương tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát (1). Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu vẳng cả lên, thả xuống năm sáu hột
- B. Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị giòn ngọt thanh thanh
- C. Mai An Tiêm thấy một quả, bỏ ra thấy ruột đỏ hồng, hột đen nhánh
- D. Cây thân dây; mọc trên cát biển; có quả lớn, vỏ màu xanh mướt, ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh, ăn thấy có vị giòn ngọt, thanh thanh (Thông hiểu)

Câu 9: Hãy chỉ ra những chi tiết có thể giúp ta hình dung được hoàn cảnh sống của các nhân vật. Hoàn cảnh đó đã tác động như thế nào đến nhân vật chính ?

Câu 10: Từ những gì được gọi lên trong đoạn trích, em suy nghĩ như thế nào về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên?

PHẦN II. VIẾT

Bằng lời văn của mình, hãy kể lại truyện thuyết Sự tích hồ Gươm

CHỦ ĐỀ 5. Bài 3:

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

SỰ TÍCH TRÀU, CAU VÀ VÔI

Ngày xưa một nhà nọ có Tân và Lang là hai anh em ruột, đặc biệt đáng người và mặt mày giống nhau như đúc, đến nỗi chính người nhà cũng nhiều phen nhầm lẫn. Cha họ là một người cao to nhất trong vùng đã từng được vua Hùng triệu về Phong-châu ban thưởng và đặt tên là Cao. Từ đó gia đình lấy tiếng "Cao" làm tên họ.

Hai anh em lớn lên thì cha mẹ nối nhau qua đời. Cả anh lẫn em quyến luyến nhau không chịu rời nửa bước. Người cha trước khi mất có gửi gắm Tân cho một đạo sĩ họ Lưu. Nhưng khi Tân đến theo học thì Lang không chịu ở nhà một mình, chàng cũng cố xin cùng được học với anh một thể. Nhà họ Lưu có một cô con gái cũng cùng lứa tuổi với họ. Để tìm hiểu người nào là anh người nào là em, một hôm cô gái họ Lưu bày ra một mẹo nhỏ. Giữa lúc họ đang đói, nàng chỉ dọn cho họ một bát cháo với một đôi đũa. Đứng sau khe vách, nàng thấy người này nhường cháo cho người kia ăn. Nàng lẩm bẩm: - "À, ra anh chàng vui tính kia là anh!".

Từ đó giữa Tân và cô gái có nhiều cuộc gặp gỡ. Tình yêu giữa hai người mỗi ngày một khăng khít. Thấy thế, đạo sĩ họ Lưu vui lòng gả con cho Tân. Sau khi cưới, hai vợ chồng đến ở một ngôi nhà mới, có Lang ở chung.

Từ ngày lấy vợ, Tân tuy vẫn chiều chuộng em nhưng không âu yếm em như trước nữa. Trước kia Lang thường được anh chăm sóc nhưng bây giờ thì chàng có nhiều ngày cô đơn. Lang nhận thấy nhiều khi Tân muốn lánh mình. - "Phải rồi, anh ấy mê vợ quên ta". Trong lòng Lang đầy chán nản buồn bực.

Một hôm Lang và Tân cùng lên nương đến tối mới về. Lang về trước. Chàng vừa bỏ chân lên ngưỡng cửa thì vợ Tân từ trong buồng chạy ra ôm chầm lấy mình. Lang kêu lên. Cái nhảm của chị dâu làm cho cả hai người cùng ngượng nghịu xấu hổ. Giữa lúc đó thì Tân bước vào nhà. Từ đây Lang lại biết thêm một tính tình mới của anh. Tân ghen em. Cái ghen làm tăng thêm sự hững hờ của

Tân đối với chàng. Lang vừa giận vừa thẹn. Chàng muốn bỏ nhà ra đi cho bỏ ghét. Một hôm trời mới mờ sáng, Lang quyết định khởi hành. Chàng cứ theo con đường mòn đi mãi, trong lòng đầy bức bối oán trách. Đi luôn mấy ngày đường, Lang tới bờ một con sông lớn. Thấy nước chảy xiết, chàng lấy làm ngại ngùng. Xung quanh không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Nhưng Lang quyết không chịu trở lại. Lang ngồi cúi gục trên bờ, ôm mặt khóc. Chàng khóc mãi, khóc mãi, đến nỗi những con chim đi kiếm ăn khuya vẫn còn nghe tiếng nước chảy. Sáng hôm sau, Lang chỉ còn là một cái xác không hồn. Chàng đã hóa đá.

Tân thấy mất hút em, thoát đầu không để ý. Mãi sau vẫn không thấy em về, Tân bỏ đi tìm các nhà quen nhưng cũng không thấy tăm dạng. Biết là em bỏ đi vì giận mình, chàng lấy làm hối hận. Hôm sau nữa, cũng không thấy về, Tân hoảng hốt để vợ lại nhà, cất bước đi tìm. Sau mấy ngày, chàng đã đến bờ một con sông rộng. Không có cách gì qua được Tân đi men dọc sông, cuối cùng thấy em đã hóa thành đá. Tân đứng bên cạnh hòn đá khóc mãi cho đến lúc chỉ còn có tiếng nước cuộn cuộn chảy dưới bờ mà thôi. Tân chết và hóa thành một cây thân mọc thẳng lên trời, bên cạnh hòn đá.

Vợ Tân chờ mãi không thấy chồng về, cũng bỏ nhà đi tìm. Nhưng cuối cùng con sông nọ cũng ngăn cản bước chân của nàng. Người đàn bà ấy ngồi lại bên cạnh cây, khóc cạn cả nước mắt. Và sau đó nàng chết hóa thành một cây dây quấn quanh lấy cây kia.

Đợi mãi không thấy ba người về, vợ chồng đạo sĩ nhờ mọi người chia nhau tìm kiếm. Trước hòn đá và hai cây lạ, họ chỉ còn biết dựng miếu thờ cả ba người trẻ tuổi ở ven sông. Nhân dân quanh vùng gọi là miếu "anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa".

Về sau, một năm nọ trời làm hạn hán rất dữ. Mọi cây cỏ đều khô héo cả. Duy hai cây mọc bên cạnh hòn đá trước miếu là vẫn xanh mượt. Mọi người cho là linh dị. Vua Hùng một hôm ngự giá qua xứ đó. Khi đi qua trước miếu, vua hơi ngạc nhiên vì cảnh lạ cây lạ:

- "Miếu này thờ vị thần nào? Máy loại cây này ta chưa từng thấy bao giờ?".

Để trả lời câu hỏi của vua, Lạc tướng cho gọi mấy cụ già ở quanh vùng đến hỏi. Hùng Vương càng nghe, không ngăn được sự cảm động. Vua vạch lá treo lên nhìn khắp mọi chỗ. Đoạn, vua sai một người treo cây hái quả xuống ném thử. Vị chất không có gì lạ. Nhưng khi nhai với lá cây dây thì một vị là lạ đến ở đầu lưỡi: nó vừa ngon ngọt, vừa thơm cay.

Tự nhiên có một viên quan hầu kêu lên: - "Trời ơi! Máu!" Mọi người giã ra kinh ngạc. Thì ra những bã nhai quả và lá của hai thứ cây đó một khi nhỏ xuống đã bỗng đỏ ối ra như máu. Vua sai lấy cả ba thứ nhai lẫn với nhau thì bỗng người thấy nóng bừng như có hơi men, môi đỏ tươi sắc mặt hồng hào tươi đẹp. Vua bảo:

- Thật là linh diệu! Đúng là họ rồi! Tình yêu thương của họ thật là nồng nàn thấm đở.

Từ đó vua Hùng ra lệnh cho mọi nơi phải gây giống cho nhiều hai loại cây ấy. Điều đáng chú ý là luật của nhà vua bắt buộc trai gái khi kết hôn thế nào cũng phải tìm cho được ba món: trầu, cau và vôi cho mọi người nhai nhai nhỏ nhỏ một tý để ghi nhớ tình yêu không bao giờ phai lạt. Vì thế từ đó dân Việt mới có tục ăn trầu.

(Nguyễn Đông Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, Tập 1, tr.90-92, NXB Trẻ 2019).

Câu 1: Câu truyện trên thuộc thể loại nào? Truyện được kể bằng ngôi thứ mấy?

Câu 2: Cô gái đã dùng cách nào để biết được Tân là anh?

Câu 3: Điều gì khiến nhà vua cảm động khi nghe câu chuyện này?

Câu 4: Hãy tìm các chi tiết kì ảo trong truyện và cho biết tác dụng của các yếu tố này?

Câu 5: Hãy xác định biện pháp tu từ trong câu sau “Vua sai lấy cả ba thứ nhai lẫn với nhau thì bỗng

người thấy nóng bừng như có hơi men, môi đỏ tươi sắc mặt hồng hào tươi đẹp” và nêu tác dụng?

Câu 6: Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc tác phẩm.

Câu 7: Em có nhận xét gì về sự hóa thân (thành đá, cau, trầu) của mỗi nhân vật trong tác phẩm?

Câu 8: Hãy viết 1 đoạn văn khoảng 7-9 câu giới thiệu về phong tục đẹp của quê hương em

II. VIẾT: zViết bài văn kể lại truyền thuyết Thánh Gióng bằng lời văn của em.

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ

A. PHẦN LỊCH SỬ.

I. Nội dung ôn tập.

Học sinh ôn tập những kiến thức Lịch sử của các bài:

- **Bài 14.** Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc

- **Bài 15.** Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc

* **Lưu ý:** Chú trọng việc vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế.

II. Một số dạng câu hỏi và bài tập.

II.1: Dạng câu hỏi trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1. Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

- A. sản xuất thủ công nghiệp.
- B. trao đổi, buôn bán qua đường biển.
- C. sản xuất nông nghiệp.
- D. trao đổi, buôn bán qua đường bộ

Câu 2. Nhà nước Âu Lạc ra đời trên cơ sở thắng lợi từ cuộc kháng chiến

- A. chống quân Hán xâm lược của nhân dân huyện Tượng Lâm.
- B. chống quân Tần xâm lược của người Âu Việt và Lạc Việt.
- C. chống quân Nam Hán xâm lược của người Việt.
- D. chống quân Đường xâm lược của người Việt.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đời sống vật chất của người việt cổ thời Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Cư dân chủ yếu ở nhà sàn, dựng bằng tre, nứa, gỗ...
- B. Thức ăn chính là: lúa mì, lúa mạch, thịt bò, rượu vang.
- C. Để tóc ngang vai, búi tóc hoặc tết tóc kiểu đuôi sam.
- D. Phương tiện đi lại chủ yếu trên sông là: ghe, thuyền.

Câu 4: Người sau hay gọi Thành Cổ Loa là Loa Thành vì:

- A. Nằm ở vùng đất Cổ Loa
- B. Hình dáng thành thất lại như Cổ lọ hoa
- C. Thành gồm ba vòng khép kín theo hình soáy tròn ốc
- D. Thành giống hình Cái Loa

Câu 5. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng chính sách bóc lột về kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với Việt Nam dưới thời Bắc thuộc?

- A. Áp đặt chính sách tô thuế, lao dịch nặng nề.
- B. Chia ruộng đất của địa chủ cho nông dân nghèo.
- C. Bắt người Việt cống nạp vải vóc, hương liệu, sản vật quý.
- D. Chiếm ruộng đất của nhân dân Âu Lạc để lập thành ấp, trại.

Câu 6. Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

- A. sản xuất thủ công nghiệp.
- B. trao đổi, buôn bán qua đường biển.
- C. sản xuất nông nghiệp.
- D. trao đổi, buôn bán qua đường bộ.

Câu 7. Về mặt tín ngưỡng, cư dân Văn Lang – Âu Lạc có tục

- A. thờ cúng tổ tiên.
- B. thờ thần – vua.
- C. ướp xác.
- D. thờ phụng Chúa Giê-su.

Câu 8. Nhà nước cổ đại đầu tiên xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam là

- A. Chăm-pa. B. Phù Nam. C. Văn Lang. D. Lâm Ấp.

Câu 9. Hình ảnh sau đây minh họa cho loại vũ khí nào của cư dân Âu Lạc?



- A. Nỏ Liên Châu. B. Mũi phóng lao. C. Rìu vạn năng. D. Súng thần công.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đời sống vật chất của người Việt cổ thời Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Cư dân chủ yếu ở nhà sàn, dựng bằng tre, nứa, gỗ...
B. Thức ăn chính là: lúa mì, lúa mạch, thịt bò, rượu vang.
C. Để tóc ngang vai, búi tóc hoặc tết tóc kiểu đuôi sam.
D. Phương tiện đi lại chủ yếu trên sông là: ghe, thuyền.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không đúng** về nước Âu Lạc?

- A. Kinh đô đặt ở Phong Châu (Phú Thọ). B. Có quân đội mạnh, vũ khí tốt.
C. Địa bàn chủ yếu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. D. Xây dựng được thành Cổ Loa kiên cố.

Câu 12. Địa bàn lãnh thổ chủ yếu của nhà nước Văn Lang và Âu Lạc là khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

- A. Tây Bắc và Đông Bắc. B. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
C. Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. D. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Câu 13. Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở Việt Nam thời Bắc thuộc?

- A. Đúc đồng. B. Làm gốm. C. Làm giấy. D. Làm mộc.

Câu 14. Ngành kinh tế chính của nhân dân Việt Nam dưới thời kì Bắc thuộc là

- A. sản xuất muối. B. trồng lúa nước.
C. đúc đồng, rèn sắt. D. buôn bán qua đường biển.

Câu 15. Bao trùm trong xã hội Âu Lạc thời Bắc thuộc là mâu thuẫn giữa

- A. người Việt với chính quyền đô hộ.
B. địa chủ người Hán với hào trưởng người Việt.
C. nông dân với địa chủ phong kiến.
D. nông dân công xã với hào trưởng người Việt.

II.2: Dạng câu hỏi trắc nhiệm Đúng/Sai

Câu 1: Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về đặc điểm là điều kiện tự nhiên hình thành nên văn minh Văn Lang-Âu Lạc?

- a) Hình thành chủ yếu trên phạm vi lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả.
b) Hệ thống sông bồi đắp phù sa tạo ra các vùng núi đá và sa mạc.
c) Chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa với đặc điểm nóng, ẩm, mưa nhiều theo mùa.
d) Vị trí chủ yếu ở các vùng biển sâu và hải đảo.

Câu 2: Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về các đặc điểm mô tả sự phân hóa xã hội trong nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc?

- a) Xuất hiện sự phân hóa thành quý tộc, nông dân và nô tỳ.
- b) Tầng lớp quý tộc là những người nghèo, tầng lớp nông dân là những người có quyền lực cao.
- c) Quý tộc là tầng lớp có thế lực, nông dân chiếm đại đa số và sản xuất chính, nô tỳ là tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội.
- d) Không có sự phân hóa giữa các tầng lớp xã hội, mọi người đều bình đẳng.

Câu 3: Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về những đặc điểm mô tả thành tựu tiêu biểu về đời sống vật chất của cư dân nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc?

- a) Nguồn lương thực chủ yếu bao gồm gạo nếp, gạo tẻ, rau, củ, quả, gia súc, gia cầm và thủy sản.
- b) Trang phục của nam giới là áo dài, nữ giới mặc áo sơ mi và đi giày.
- c) Nhà ở phổ biến là kiểu nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa.
- d) Phương thức di chuyển chủ yếu là trâu, ngựa.

Câu 4: Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về các triều đại phong kiến phương Bắc đã tổ chức bộ máy cai trị nước ta?

- a) Điều sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc.
- b) Chia thành các đơn vị hành chính như châu-quận, dưới châu – quận là huyện.
- c) Chia nước ta thành 10 quận.
- d) Chia nước ta thành 6 châu.

Câu 5: Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về từ sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng, chính quyền đô hộ thực hiện chính sách cai trị ở nước ta?

- a) Chia lãnh thổ thành các quận, huyện và sáp nhập vào Trung Quốc.
- b) Giao toàn quyền cai trị cấp huyện cho người Việt.
- c) Độc quyền khai thác như sắt và dầu mỏ.
- d) Từ nhà Hán, các triều đại đều áp dụng luật pháp hà khắc và thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

II.3: Một số câu hỏi tự luận

Câu 1: Thời Văn Lang - Âu Lạc, người Việt có những phong tục gì nổi bật?

Câu 2: Trình bày nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40?

Câu 3: Khái quát những điểm giống nhau trong các chính sách cai trị về chính trị, kinh tế, văn hóa của các vương triều phong kiến phương Bắc đối với nước ta từ thế kỉ I-IX?

Câu 4:

- a. Dựa vào kiến thức đã học ở mục 1- bài 14, hãy xác định phạm vi không gian chủ yếu của nước Văn Lang trên bản đồ.



b. Những phong tục nào trong văn hóa Việt Nam hiện nay được kế thừa từ thời Văn Lang, Âu Lạc?

B. PHẦN ĐỊA LÝ.

I. Nội dung ôn tập:

CHƯƠNG 1. Bài 16: Nhiệt độ không khí. Mây và mưa

CHƯƠNG 2. Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu

CHƯƠNG 3. Bài 18: Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa

CHƯƠNG 4. Bài 19: Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước

II. Một số bài tập tham khảo:

Bài tập 1: Chọn đáp án đúng nhất.

Câu 1. Không khí trên mặt đất nóng nhất là vào

- A. 11 giờ trưa. B. 14 giờ trưa. C. 12 giờ trưa. D. 13 giờ trưa.

Câu 2. Dụng cụ nào sau đây được dùng đo độ ẩm không khí?

- A. Ẩm kế B. Áp kế. C. Nhiệt kế. D. Vũ kế.

Câu 3. Để đo nhiệt độ không khí người ta dùng dụng cụ nào sau đây?

- A. Áp kế. B. Nhiệt kế. C. Vũ kế. D. Ẩm kế.

Câu 4. Nhiệt độ trung bình ngày là kết quả tổng cộng nhiệt độ 4 lần trong ngày vào các thời điểm

- A. 2 giờ, 8 giờ, 15 giờ, 21 giờ. B. 3 giờ, 9 giờ, 12 giờ, 19 giờ.
C. 1 giờ, 6 giờ, 14 giờ, 20 giờ. D. 1 giờ, 7 giờ, 13 giờ, 19 giờ.

Câu 5. Nguồn cung cấp hơi nước chính cho khí quyển là

- A. sinh vật. B. biển và đại dương. C. sông ngòi. D. ao, hồ.

Câu 6. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất thường ở vùng

- A. chí tuyến. B. ôn đới. C. Xích đạo. D. cận cực.

Câu 7. Càng lên vĩ độ cao nhiệt độ không khí càng

- A. tăng. B. không đổi. C. giảm. D. biến động.

Câu 8. Khi không khí đã bão hòa mà vẫn được cung cấp thêm hơi nước thì

- A. hình thành độ ẩm tuyệt đối. B. tạo thành các đám mây.
C. sẽ diễn ra hiện tượng mưa. D. diễn ra sự ngưng tụ.

Câu 9. Nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất là

- A. con người đốt nóng. B. ánh sáng từ Mặt Trời.

C. các hoạt động công nghiệp.

D. sự đốt nóng của Sao Hỏa.

Câu 10. Nguyên nhân chủ yếu vùng Xích đạo có mưa nhiều nhất trên thế giới là do

A. dòng biển nóng, áp cao chí tuyến.

B. nhiệt độ thấp, độ ẩm và đại dương.

C. nhiệt độ cao, áp thấp xích đạo.

D. áp thấp ôn đới, độ ẩm và dòng biển.

Câu 11. Nhận định nào sau đây đúng về sự phân bố lượng mưa không đều trên Trái Đất theo vĩ độ?

A. Mưa nhiều ở cực và cận cực; mưa nhỏ ở vùng nhiệt đới và xích đạo.

B. Mưa nhất nhiều ở ôn đới; mưa ít ở vùng cận xích đạo, cực và cận cực.

C. Mưa rất lớn ở vùng nhiệt đới; không có mưa ở vùng cực và cận cực.

D. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo, mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.

Câu 12. Giả sử có một ngày ở thành phố Y, người ta đo được nhiệt độ lúc 1 giờ được 17°C , lúc 5 giờ được 26°C , lúc 13 giờ được 37°C và lúc 19 giờ được 32°C . Vậy nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó là bao nhiêu?

A. 26°C .

B. 29°C .

C. 27°C .

D. 28°C .

Câu 13. Trên bề mặt Trái Đất có bao nhiêu đới ôn hòa?

A. 4.

B. 5.

C. 2.

D. 3.

Câu 14. Khí hậu là hiện tượng khí tượng

A. xảy ra trong một thời gian ngắn ở một nơi.

B. lặp đi lặp lại tình hình của thời tiết ở nơi đó.

C. xảy ra trong một ngày ở một địa phương.

D. xảy ra khắp mọi nơi và thay đổi theo mùa.

Câu 15. Trên Trái Đất có bao nhiêu đới khí hậu?

A. 5.

B. 6.

C. 3.

D. 4.

Câu 16. Biên độ nhiệt năm cao nhất thường ở vĩ độ

A. Ôn đới.

B. Xích đạo.

C. Hàn đới.

D. Nhiệt đới.

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với khí hậu đới nóng?

A. Góc chiếu của ánh sáng Mặt Trời rất nhỏ.

B. Lượng mưa trung bình từ 1000 - 2000 mm.

C. Gió Tín phong thổi thường xuyên quanh năm.

D. Nắng nóng quanh năm và nền nhiệt độ cao.

Câu 18. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên trong khu vực đới nóng?

A. Tây ôn đới.

B. Gió mùa.

C. Tín phong.

D. Đông cực.

Câu 19. Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào trên Trái Đất?

A. Cận nhiệt.

B. Nhiệt đới.

C. Cận nhiệt đới.

D. Hàn đới.

Câu 20. Biểu hiện chủ yếu của biến đổi khí hậu là

A. nhiệt độ Trái Đất tăng.

B. số lượng sinh vật tăng.

C. mực nước ở sông tăng.

D. dân số ngày càng tăng.

Câu 21. Biến đổi khí hậu là do tác động của

A. các thiên thạch rơi xuống.

B. các vụ nổ hạt nhân, thử vũ khí.

C. các thiên tai trong tự nhiên.

D. các hoạt động của con người.

Câu 22. Một trong những biểu hiện của biến đổi khí hậu là

A. quy mô kinh tế thế giới tăng.

B. dân số thế giới tăng nhanh.

C. thiên tai bất thường, đột ngột.

D. thực vật đột biến gen tăng.

Câu 23. Sự nóng lên của Trái Đất **không** làm cho

A. băng hai cực tăng.

B. mực nước biển dâng.

C. sinh vật phong phú.

D. thiên tai bất thường.

Câu 24. Biện pháp nào sau đây thường **không** sử dụng để ứng phó trước khi xảy ra thiên tai?

A. Gia cố nhà cửa.

B. Bảo quản đồ đạc.

C. Sơ tán người.

D. Phòng dịch bệnh.

Câu 25. Ở nước ta, vùng nào sau đây chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu?

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

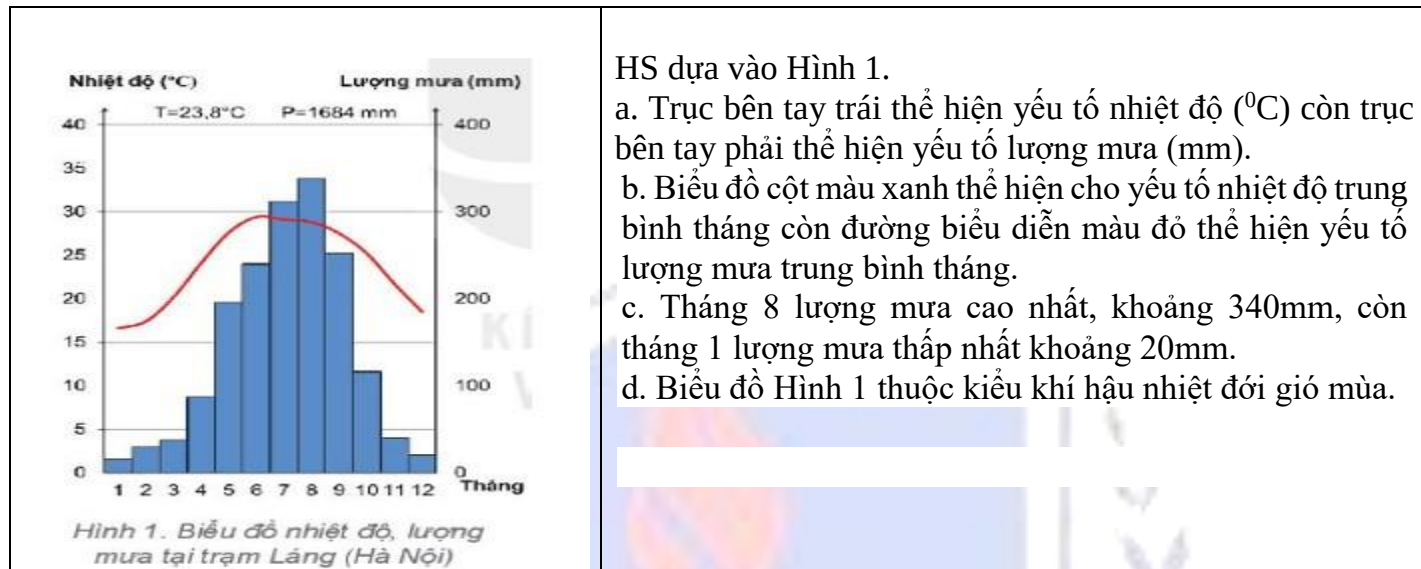
Câu 26. Nước ngọt trên Trái Đất gồm có

- A. nước ngầm, nước biển, nước sông và băng. B. nước mặt, nước biển, nước ngầm và băng.
C. nước ngầm, nước ao hồ, sông suối và băng. D. nước mặt, nước khác, nước ngầm và băng.

Câu 27. Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng

- A. 30,1%. B. 2,5%. C. 97,5%. D. 68,7%.

Bài tập 2: Trắc nghiệm đúng, sai. Thí sinh chọn đáp án đúng hoặc sai đối với mỗi ý a,b,c,d ở câu sau.



Bài tập 3: Trả lời các câu hỏi sau

Câu 1: Trình bày một số biểu hiện của biến đổi khí hậu?

Câu 2: Nêu một số biện pháp phòng tránh thiên tai?

Câu 3: Phân biệt sự khác nhau giữa thời tiết và khí hậu?

Câu 4: Phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của Tích Xi (Bài 18- SGK)

MÔN: CÔNG NGHỆ

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 24

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1: Kể tên những loại vải thường dùng trong may mặc?

Câu 2: Em hãy trình bày vải sợi thiên nhiên dùng trong may mặc?

Câu 3: Em hãy trình bày vải sợi hóa học dùng trong may mặc?

Câu 4: Vì sao quần áo mùa hè thường được may bằng vải sợi bông, sợi lanh, sợi tơ tằm?

Câu 5: Trang phục là gì? Có mấy loại trang phục, kể tên? Tại sao con người cần phải có trang phục?

Câu 6: Em thường bảo quản trang phục của mình như thế nào?

Câu 7: Thời trang và phong cách thời trang là gì?

Câu 8: Lựa chọn trang phục phù hợp theo thời trang em cần lưu ý những điểm nào?

Phần 2: Một số câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Câu 1. Nguyên liệu sản xuất vải sợi thiên nhiên là

- A. Sợi tơ tằm B. Tre C. Than đá D. Dầu mỏ

Câu 2. Yếu tố nào dưới đây được dùng để trang trí, làm tăng vẻ đẹp và tạo hiệu ứng thẩm mỹ cho trang phục?

- A. Chất liệu B. Kiểu dáng C. Màu sắc D. Đường nét, họa tiết

Câu 3: Cây bông dùng để dệt ra vải sợi nào?

- A. Vải sợi len
C. Vải sợi tổng hợp
- B. Vải sợi bông (cotton)
D. Vải sợi nhân tạo

Câu 4. Vải sợi hóa học được sản xuất từ

- A. sợi thực vật (sợi lanh, sợi bông...)
B. một số chất hóa học lấy từ tre, gỗ, nứa, than đá, dầu mỏ...
C. sợi động vật (lông cừu, tơ tằm...)
D. sợi tơ sen, lông cừu.

Câu 5: Cách phân biệt một số loại vải là

- A. vò vải
C. đốt sợi vải.
- B. vò vải, đốt sợi vải.
D. vò vải, đốt sợi vải, nhúng nước hoặc đọc thành phần sợi vải.

Câu 6. Bền, đẹp, giặt mau khô, không bị nhàu, mặc không thoáng mát là tính chất của loại vải nào?

- A. Vải sợi hóa học
B. Vải sợi thiên nhiên
C. Vải sợi pha
D. Vải sợi tổng hợp

Câu 7. Hãy cho đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của vải sợi tự nhiên?

- A. Mặc thoáng mát
C. Ít bị nhàu
- B. Thấm mồ hôi tốt
D. Thân thiện với môi trường

Câu 8. Trang phục bao gồm những vật dụng nào sau đây?

- A. Khăn quàng, giày.
C. Áo, quần và các vật dụng đi kèm.
- B. Mũ, giày, tất.
D. Áo, quần.

Câu 9. Phân loại trang phục theo công dụng bao gồm:

- A. Trang phục mặc hàng ngày, trang phục lễ hội, trang phục thể thao, đồng phục, trang phục bảo hộ lao động, trang phục biểu diễn.
B. Trang phục trẻ em, trang phục thanh niên, trang phục trung niên; trang phục mặc thường ngày.
C. Trang phục trẻ em, trang phục thanh niên, trang phục mùa lạnh; trang phục người cao tuổi.
D. Trang phục trẻ em, trang phục nam, trang phục trung niên; trang phục người cao tuổi.

Câu 10. Trang phục mùa hè thuộc loại trang phục nào?

- A. Theo thời tiết
B. Theo công dụng
C. Theo lứa tuổi
D. Theo giới tính

Câu 11. Trang phục thể thao thuộc kiểu trang phục nào?

- A. Theo thời tiết
B. Theo công dụng
C. Theo lứa tuổi
D. Theo giới tính

Câu 12. Để tạo cảm giác béo ra, thấp xuống cho người mặc, không lựa chọn chất liệu vải nào sau đây?

- A. Vải cứng
B. Vải dày dặn
C. Vải mềm vừa phải
D. Vải mềm, mỏng

Câu 13. Theo em, màu vải nào có thể phối hợp với tất cả các màu khác?

- A. Màu xanh
B. Màu vàng
C. Màu trắng và màu đen
D. Màu đỏ

Câu 14. Trang phục theo phong cách cổ điển có màu sắc như thế nào?

- A. Đa dạng, mang màu sắc văn hóa truyền thống.
B. Thường sử dụng màu trầm, màu trung tính.
C. Đa dạng, thường sử dụng màu mạnh, tươi sáng.
D. Thường sử dụng các loại màu nhẹ, màu rực rỡ.

Câu 15. Tại sao người ta cần phân loại quần áo trước khi là?

- A. Để quần áo không bị bay màu.
C. Để là riêng từng nhóm quần áo theo loại vải.
- B. Để là quần áo nhanh hơn.
D. Để dễ cất giữ quần áo sau khi là.

Câu 16. Hãy cho biết, có mấy cách để giặt ướ?

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

Câu 17. Có mấy cách phân loại trang phục?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 18. Chất liệu để may trang phục có sự khác biệt về những yếu tố nào?

- A. Độ nhàu; độ dày, mỏng, kiểu may.
B. Độ bền; độ dày, mỏng; độ nhàu; độ thấm hút mồ hôi.
C. Độ thấm hút; độ bền; độ nhàu, kiểu may.
D. Độ bền; độ dày, mỏng; độ nhàu, kiểu may

Câu 19. Ý nghĩa của phong cách thời trang là:

- A. tạo nên vẻ đẹp cho từng cá nhân
B. tạo nên nét độc đáo cho từng cá nhân
C. tạo nên vẻ đẹp hoặc nét độc đáo cho từng cá nhân
D. tạo nên vẻ đẹp và nét độc đáo riêng cho từng cá nhân

Câu 20. Căn cứ để lựa chọn phong cách thời trang là gì?

- A. Căn cứ vào tính cách người mặc.
B. Căn cứ vào sở thích người mặc.
C. Căn cứ vào tính cách hoặc sở thích người mặc
D. Căn cứ vào tính cách và sở thích người mặc.

MÔN: GDCD

I. NỘI DUNG ÔN TẬP. Ôn các bài từ tuần 19 đến tuần 23, trong đó trọng tâm kiến thức:

- Bài 7: Ứng phó với các tình huống nguy hiểm
- Bài 8: Tiết kiệm

*** Yêu cầu :**

- Học sinh nắm được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.

- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm. Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn...

-Biết được tiết kiệm là gì, hiểu được vì sao phải tiết kiệm...

- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế...

*** Lưu ý:** Các câu hỏi trắc nghiệm sẽ lấy trong nội dung bài học. Dưới đây là một số câu hỏi trắc nghiệm gợi ý.

Câu 1: Tình huống nguy hiểm từ tự nhiên là những tình huống có nguồn gốc từ những hiện tượng ?

- A. Tự nhiên. B. Nhân tạo. C. Đột biến. D. Chủ đích.

Câu 2: Khi phát hiện đám cháy, em sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào sau đây?

- A. 115 B. 114 C. 113 D. 112

Câu 3: Trời nắng nóng, sau khi chơi đá bóng, các bạn trong lớp rủ Nam xuống sông tắm. Nếu là Nam, em sẽ làm gì?

- A. Đồng ý xuống sông tắm cùng các bạn để làm mát cơ thể.
B. Bình tĩnh suy nghĩ và đồng ý xuống sông tắm nếu như cả lớp đều tham gia.
C. Hỏi ý kiến người bạn thân, nếu bạn đồng ý thì mình sẽ xuống sông tắm.
D. Từ chối lời đề nghị xuống sông tắm vì có nguy cơ xảy ra đuối nước.

Câu 4: Khi có trường hợp cấp cứu y tế, em sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào sau đây?

- A. 112 B. 113 C. 114 D. 115

Câu 5: Theo em cách ứng phó khi gặp mưa dông, lốc, sét là:

- A. Ở yên trong nhà khi gặp mưa, dông, lốc, sét.

- B. Trú dưới tán cây khi trời mưa
C. Bật tivi xem tình hình diễn biến thời tiết
D. Đi ra ngoài khi có việc cần thiết

Câu 6: Khi có việc cần gọi công an hoặc cảnh sát liên quan tới an ninh, trật tự, em sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào sau đây?

- A. 112 B. 113 C. 114 D. 115

Câu 7: Chiều nay, Hoa đi học về muộn hơn hàng ngày. Khi đi đến đoạn đường vắng, em bị một kẻ lạ mặt kéo tay định lôi lên trên xe máy. Nếu là Hoa trong trường hợp trên, em sẽ lựa chọn cách nào dưới đây để thoát khỏi nguy hiểm? Vì sao?

- A. Nói thật to và rõ: “Dừng lại ngay đi” và “Cứu tôi với” để người xung quanh phát hiện ra tới giúp.
B. Đánh nhau với kẻ lạ mặt
C. Nhanh chóng chạy về phía đông người
D. Nói lý và tranh chấp với kẻ lạ mặt

Câu 8: Theo em cách ứng phó đúng nhất khi bị đuối nước là:

- A. Cố gắng vẫy vùng để thu hút sự chú ý về phía mình
B. Nín thở, và cố gắng ngoi lên mặt nước
C. Sải tay về phía trước, chân sải theo sau
D. Bình tĩnh, hít thật nhiều hơi vào phổi, cố gắng nín thở càng lâu càng tốt và thả lỏng người để nước đẩy sát lên mặt nước.

Câu 9: Tan học, Mai đạp xe về nhà. Bỗng mây đen kéo tới, sấm chớp âm ầm, mưa rơi nặng hạt. Mai thấy một vài người trú tạm vào gốc cây to bên đường, người thì mặc áo mưa rồi đi tiếp. Nếu là Mai, em sẽ là gì trong tình huống này?

- A. Cùng mọi người tạm trú dưới gốc cây
B. Mặc áo mưa vào đi tiếp
C. Khuyên mọi người không nên trú ở gốc cây vì rất nguy hiểm dễ bị sét đánh mà nên tìm nơi trú ẩn an toàn
D. Rủ mọi người cùng đi dưới mưa

Câu 10: khi có trường hợp yêu cầu trợ giúp, tìm kiếm cứu nạn trên phạm vi toàn quốc, em sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào sau đây?

- A. 112 B. 113 C. 114 D. 115

Câu 11: Cho tình huống:

Câu	Ngọc luôn mơ ước sở hữu một chiếc áo khoác hàng hiệu rất đắt tiền. Mặc dù gia đình không quá khá giả, Ngọc vẫn quyết tâm nhịn ăn sáng, không mua sắm quần áo mới trong nhiều tháng để dành tiền mua chiếc áo. Khi có đủ tiền, Ngọc đã mua chiếc áo và rất tự hào khi mặc nó đến trường. Tuy nhiên, chỉ sau một thời gian ngắn, chiếc áo bị rách một đường nhỏ. Ngọc rất tiếc nuối và nhận ra rằng việc chi tiêu quá nhiều tiền cho một món đồ không thực sự cần thiết là không hợp lý.	Đúng	Sai
a)	Ngọc đã thể hiện sự kiên trì và quyết tâm khi đạt được mục tiêu của mình.		
b)	Ngọc đã không biết cách chi tiêu hợp lý và tiết kiệm đúng cách.		
c)	Việc nhịn ăn sáng để tiết kiệm tiền là một hành động không tốt cho sức khỏe.		
d)	Ngọc nên tự hào về việc sở hữu chiếc áo hàng hiệu mà mình đã cố gắng để mua được.		

Câu 12: Cho tình huống:

Câu	Sinh nhật của Minh sắp đến, Minh muốn tổ chức một bữa tiệc thật linh đình tại một nhà hàng sang trọng để mời bạn bè. Nhà Minh không khá giả nên mẹ Minh đã khuyên Minh nên tổ chức một bữa tiệc âm cúng tại nhà với những món ăn tự nấu để tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên, Minh không đồng ý và cho rằng việc tổ chức tiệc tại nhà sẽ khiến mình "mất mặt" với bạn bè. Cuối cùng, Minh vẫn tổ chức tiệc tại nhà hàng và tiêu tốn một khoản tiền lớn. Sau bữa tiệc, Minh cảm thấy hối hận khi nhận ra rằng số tiền đó có thể được sử dụng vào những việc có ý nghĩa hơn.	Đúng	Sai
a)	Minh đã không biết lắng nghe lời khuyên của người lớn.		
b)	Việc tổ chức tiệc sinh nhật linh đình là cách tốt để thể hiện sự hào phóng.		
c)	Minh đã không biết cách cân nhắc giữa nhu cầu và khả năng tài chính.		
d)	Minh nên tự hào vì đã tổ chức được một bữa tiệc hoành tráng.		

II. CÂU HỎI ÔN TẬP.

Câu 1: Tình huống nguy hiểm là gì? Cho hai ví dụ cụ thể về tình huống nguy hiểm?

Câu 2: Hãy kể tên những tình huống nguy hiểm mà em biết hoặc em đã gặp phải?

Câu 3: Theo em, có những cách nào để chúng ta ứng phó trước những tình huống nguy hiểm?

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG. Học sinh làm các bài tập trong SGK vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Tình huống 1: Bố mẹ đi vắng, hai anh em Minh và Ngọc ở nhà học bài. Bỗng có tiếng chuông cửa, Ngọc chạy ra có một chú tự giới thiệu là nhân viên công ty Điện lực vào nhà để kiểm tra thiết bị điện của gia đình. Ngọc định mở cửa nhưng Minh lắc đầu và từ chối và nói rằng khi nào bố mẹ về thì chú quay lại?

Câu hỏi:

- Em đồng ý và không đồng ý với cách cư xử của bạn nào? Vì sao?
- Nếu là bạn của Ngọc, em sẽ khuyên bạn điều gì?
- Qua tình huống, em rút ra bài học cho mình?

Tình huống 2: Chiến, học sinh lớp 6A hay bắt nạt trong lớp trong đó có Dương. Gần đây Dương phải thức khuya để làm bài cho Chiến và chép bài tập về nhà cho Chiến. Trong các giờ kiểm tra, Dương phải tìm cách cho Chiến nhìn bài. Cứ nghĩ sự đe dọa của Chiến, Dương cảm thấy lo lắng sợ hãi?

Câu hỏi:

- Theo em, Dương có nên im lặng không? Vì sao?
- Nếu em là Bạn cùng lớp của Dương và Chiến em sẽ làm gì?
- Qua tình huống em rút ra bài học gì cho mình?

GỢI Ý NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

Câu 1: Tình huống nguy hiểm là gì? Cho hai ví dụ cụ thể về tình huống nguy hiểm?

- Tình huống nguy hiểm là những sự việc bất ngờ xảy ra, có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng, gây thiệt hại về tài sản, môi trường cho bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội.

- H/s tự lấy ví dụ minh họa.

Câu 2: Hãy kể tên những tình huống nguy hiểm mà em biết hoặc em đã gặp phải?

- Bắt cóc.
- Lũ quét, lũ ống, sạt lở đất
- Mưa dông, lốc, sét
- Bị đuối nước
- Té ngã trong sân trường...
- Đi xe phóng nhanh vượt ẩu...

Câu 3: Theo em, có những cách nào để chúng ta ứng phó trước những tình huống nguy hiểm?

- Chủ động tìm hiểu, học tập các kỹ năng ứng phó trong mỗi tình huống nguy hiểm sẽ giúp chúng ta bình tĩnh, tự tin, thoát khỏi nguy hiểm trong cuộc sống.
- Luôn ghi nhớ các số điện thoại của người thân, các số điện thoại khẩn cấp:
 - + 111: Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em
 - + 112: Yêu cầu trợ giúp, tìm kiếm cứu nạn trên phạm vi toàn quốc
 - +113 Gọi công an hoặc cảnh sát khi có việc liên quan tới an ninh, trật tự
 - +114: Gọi cơ quan phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn
 - + 115: Gọi cấp cứu y tế.

*** BÀI TẬP TÌNH HUỐNG.** H/s vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống có trong thực tế.

MÔN: HĐTNHN

I/ Trọng tâm ôn tập:

- Chủ đề 5. Em với gia đình
- Chủ đề 6. Em với cộng đồng
- Chủ đề 7. Em với thiên nhiên và môi trường.

II/ Nội dung câu hỏi ôn tập:

Câu 1: Gia đình là nơi yêu thương và nuôi dưỡng mỗi người. Em đã làm gì để giúp đỡ cha mẹ và thể hiện lòng biết ơn đối với gia đình? kể lại một việc làm ý nghĩa mà em đã thực hiện

Câu 2: Là một học sinh lớp 6 em có thể làm gì để góp phần xây dựng một cộng đồng văn minh, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau?

Câu 3: Hiện nay vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Theo em, nguyên nhân nào dẫn tới tình trạng này? Em có thể làm gì để bảo vệ môi trường xung quanh mình?

Câu 4: Khi xảy ra mâu thuẫn với người thân trong gia đình, em sẽ làm gì để giải quyết vấn đề một cách tích cực? Nêu một tình huống cụ thể và cách em đã giải quyết?

Hướng dẫn trả lời: Khi trả lời các câu hỏi trên, học sinh nên liên hệ với thực tế, nêu cảm nghĩ cá nhân và rút ra bài học.

MÔN: LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

A. NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Ôn tập kiến thức đã học từ tuần 19 đến 23

- Sản vật Hà Nội.
- Nét đặc sắc ẩm thực Hà Nội.
- Vai trò của sản vật trong phát triển kinh tế.
- Giá trị các ngành nghề truyền thống ở Hà Nội.
- Kể tên 1 số làng nghề nổi tiếng ở Hà Nội.

B. MỘT SỐ CÂU HỎI MINH HỌA

Câu 1: Kể tên các sản vật ở Hà Nội?

Câu 2: Nêu đặc điểm của ẩm thực Hà Nội?

Câu 3: Kể tên một số sản vật và vai trò của sản vật Hà Nội?

Câu 4: Kể tên các sản phẩm của một số nghề truyền thống ở Hà Nội?

Câu 5: Nêu giá trị của nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hà Nội?

C. GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI MINH HỌA.

Câu 1: Kể tên các sản vật ở Hà Nội?

- Cam canh ở Vân Canh, Hoài Đức.
- Bưởi Diễn ở phường Minh Khai, Phú Diễn, Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm.
- Gà Mía ở làng Đường Lâm (thị xã Sơn Tây).
- Đậu phụ Mơ xuất hiện tại làng Mơ (quận Hoàng Mai).
- Giò chả Ước Lễ.
- Bún Thang.
- Ô mai Hàng Đường.
- Ngoài ra còn rất nhiều các ẩm thực nổi tiếng khác ở Hà Nội: bún Phú Đô, bánh cuốn Thanh Trì, cốm làng Vòng, nem làng Vẽ, bánh dày Quán Gánh, hồng xiêm Xuân Đình, mướp thơm Quỳnh Lôi, gà Mía Sơn Tây, vịt cỏ Vân Đình, ...

Câu 2: Nêu đặc điểm của ẩm thực Hà Nội?

- Văn hoá ẩm thực của người Hà Nội thể hiện sự sang trọng, thanh lịch và tinh tế.
- Cách chế biến món ăn từ các sản vật là một nghệ thuật với bao năm kinh nghiệm được chắt lọc từ bề dày văn hoá. Từ nguồn nguyên liệu nổi tiếng, qua bàn tay chế biến khéo léo, tài tình, người Hà Nội đã tạo nên những món ngon bình dị mà tinh tế, dân dã mà nghệ thuật.
- Món ăn của vùng đất Hà thành không lẫn vào đâu được trong vô vàn những món ngon trên khắp mọi miền đất nước.
- Phố phường Hà Nội có nhiều tên phố gắn liền với những mặt hàng, sản vật liên quan đến ẩm thực: Hàng Mắm, Hàng Khoai, Hàng Đường, Hàng Đậu, Hàng Bún, ...
- Sự phát triển văn hoá ẩm thực từ hàng nghìn năm lịch sử đến xã hội hiện đại đã làm nên nét đặc trưng riêng biệt của ẩm thực Hà Nội.

Câu 3: Kể tên một số sản vật và vai trò của sản vật Hà Nội?

- Cam canh: có vị ngọt, mát; vỏ mịn, mỏng, màu vàng đỏ hơn quýt và các giống cam khác.
 - Bưởi Diễn: có vị ngọt đậm, mọng nước và mùi thơm thanh dịu, thơm lâu hơn các giống bưởi khác.
 - Gà Mía là giống gà rất quý. Thịt gà Mía thường có màu trắng, thơm; xương nhỏ và tròn; da gà mỏng, khi luộc lên có màu vàng ươm.
 - Đậu phụ Mơ: Đặc trưng là bìa đậu nhỏ, có màu vàng nhạt và thơm ngậy. Đậu phụ làng Mơ được lọc kĩ, gói khéo nên mềm và béo ngậy hơn đậu phụ ở những nơi khác.
- => Những đặc sản nông nghiệp đang ngày càng có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của Hà Nội cũng như tô đậm thêm văn hoá ẩm thực của mảnh đất ngàn năm văn hiến.

Câu 4: Kể tên các sản phẩm của một số nghề truyền thống ở Hà Nội?

- Nghề dệt ở làng Phùng Xá.
- Nghề sơn, khảm với các làng nghề khảm trai, sơn mài ở xã Chuyên Mỹ (huyện Phú Xuyên).
- Nghề chế biến gỗ, lâm sản Chàng Sơn.

- Nghề gia công cơ khí phát triển ở làng rèn thôn Đa Sỹ (quận Hà Đông).
- Ngoài ra còn có làng nghề may da Kiều Ky, thêu Quất Động, lụa Vạn Phúc, mây tre đan Phú Vinh, chạm khắc gỗ Vân Hà, may Vân Từ, ...

Câu 5: Nêu giá trị của nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hà Nội?

- Nghề truyền thống có giá trị văn hoá to lớn và là niềm tự hào của người dân Hà Nội. Sản phẩm truyền thống có tính nghệ thuật cao, là sự kết tinh, bảo lưu và phát triển các giá trị văn hoá, văn minh lâu đời của dân tộc.
- Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống chính là sự kế thừa và phát huy những bí quyết nghề quý giá của các nghệ nhân tài hoa; qua đó duy trì, bảo tồn bản sắc văn hoá độc đáo của vùng đất Thăng Long – Hà Nội.
- Nghề truyền thống còn có giá trị về mặt kinh tế: giải quyết việc làm cho nhiều lao động ở nông thôn; tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân, giảm dần khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn.
- Phát triển các nghề truyền thống gắn liền với du lịch đã thúc đẩy ngành nông nghiệp, du lịch và các ngành dịch vụ khác như vận tải, thương mại, ... thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế trên địa bàn hợp lý hơn.
- Phát triển các nghề truyền thống góp phần giữ gìn trật tự ở nông thôn, hạn chế tệ nạn xã hội. Nhờ sự phát triển của các làng nghề truyền thống, bộ mặt của nông thôn có sự thay đổi: đường giao thông, hệ thống điện, thông tin liên lạc, giáo dục, văn hoá, y tế, ... được đầu tư và nâng cấp.

MÔN: TIẾNG ANH

A. LANGUAGE FOCUS: from Unit 7 to Unit 9

1. Unit 7: Television

1. WH-words and conjunctions in compound sentences (and, but, so)
2. Vocabulary about TV programmes with descriptive adjectives (funny, educational,...)
3. Sounds /θ/ and /ð/

2. Unit 8: Films

1. Past simple and imperatives
2. Vocabulary about sports and games
3. Sounds /e/ and /æ/

3. Unit 9:

1. Possessive adjectives and possessive pronouns
2. Vocabulary about cities and landmarks
3. Sounds /əʊ/ and /aʊ/

B. PRACTICE

A. Phonetics

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others.

- | | | | |
|-------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|
| 1. A. <u>th</u> irsty | B. <u>th</u> rough | C. <u>Th</u> anksgiving | D. <u>th</u> ere |
| 2. A. <u>ea</u> ther | B. <u>th</u> rough | C. <u>wa</u> rmth | D. <u>to</u> oth |
| 3. A. <u>th</u> an | B. <u>th</u> eir | C. <u>ea</u> rth | D. <u>ea</u> rth |
| 4. A. <u>en</u> velop | B. <u>e</u> legant | C. <u>re</u> member | D. <u>ad</u> venture |
| 5. A. <u>ple</u> asant | B. <u>r</u> acket | C. <u>ess</u> ential | D. <u>de</u> corate |
| 6. A. <u>ch</u> allenge | B. <u>ba</u> dminion | C. <u>s</u> afe | D. <u>fa</u> ntastic |
| 7. A. <u>m</u> atch | B. <u>ma</u> ny | C. <u>s</u> ays | D. <u>s</u> aid |
| 8. A. <u>ca</u> pital | B. <u>st</u> andard | C. <u>pa</u> ssenger | D. <u>w</u> oman |
| 9. A. <u>na</u> rrow | B. <u>gro</u> cery | C. <u>al</u> low | D. <u>mo</u> torcycle |
| 10. A. <u>s</u> now | B. <u>am</u> ount | C. <u>sh</u> out | D. <u>cl</u> oud |

II. Choose the word that has a different stress pattern from the others.

- | | | | |
|-------------------|----------------|----------------|---------------|
| 1. A. channel | B. programme | C. distance | D. control |
| 2. A. animal | B. radio | C. specific | D. character |
| 3. A. human | B. colour | C. picture | D. event |
| 4. A. comedy | B. detective | C. teenager | D. popular |
| 5. A. series | B. country | C. cartoon | D. nation |
| 6. A. watching | B. statement | C. habit | D. surprise |
| 7. A. garden | B. summer | C. support | D. planet |
| 8. A. description | B. favourite | C. discover | D. instructor |
| 9. A. activity | B. information | C. documentary | D. education |
| 10. A. jungle | B. stranger | C. culture | D. success |

B. VOCABULARY & GRAMMAR

Exercise 1: Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

- Our team couldn't win the championship, _____ the other team played very well.
A. so B. despite C. because D. although
- She _____ a ball for boy yesterday.
A. buy B. bought C. buys D. buying
- The Statue of Liberty is one of the most famous _____ in the United States.
A. towers B. landmarks C. capitals D. cities
- They showed a _____ on global warming called 'Warming Warning'.
A. documentary B. romance C. comedy D. cartoon
- 'Can you give me the remote control on the table?'
, _____,
A. Never mind. B. You're welcome. C. Certainly. D. Really?
- I like watching the news _____ I want to know what is happening around the world
A. and B. so C. but D. because
- _____ does Simon watch "Tom and Jerry"? - On every Saturday afternoon.
A. What B. When C. What time D. How often
- _____ up the tree! You'll fall down.
A. Climb B. Climbing C. Not to climb D. Don't climb
- _____ a nice day! Shall we go swimming?
A. How B. When C. What D. Which
- The baby is sleeping. _____ noise here!
A. Don't touch B. Don't make C. Make D. Touch
- _____ do you live in? - Asia.
A. What B. What country C. What continent D. What city
- She _____ the gold medal in 1986
A. wins B. won C. win D. to win
- That is _____ pen.
A. my B. mine C. yours D. hers
- " _____ " - "There are twenty-two players in a football match."
A. How long does the football match last?
B. Why are there so many players in a football match?
C. What is the number of players in a football match?
D. How many players are there in a football match?
- _____ does she play the piano? – Oh, very well.
A. How B. What C. Which D. Who

16. _____ is dancing in your room? - It's my sister.
A. Why B. How C. What D. Who
17. My sister often _____ badminton in her free time.
A. play B. plays C. playing D. to play
18. Marathon is considered a/an _____ sport.
A. team B. individual C. indoor D. sporting
19. _____ watch TV too much . It's not good for your eyes.
A. Do B. Don't C. Please D. Can't
20. _____ do you go swimming in the summer? - Three times a week.
A. How long B. How far C. How many D. How often

Exercise 2: Mark the letter A B, C, or D on your answer that needs correction the following questions.

1. A few days ago my father buys a new soccer ball for me.
A B C D
2. What often do you watch this animal programme?
A B C D
3. Doing exercise is good, but doesn't do too hard.
A B C D
4. These photos of her sister show off hers smooth black hair.
A B C D
5. When are you going to spend your vacation? - In Nha Trang.
A B C D
6. You can use my computer until you is repaired.
A B C D
7. Their house is very similar to ours, but ours is big than.
A B C D
8. Mrs. Harley is in the living room, and hers baby is crying.
A B C D
9. My relatives all lives in Ho Chi Minh City while his are in Ha Noi.
A B C D
10. I from Da Nang, and most of my friends are from there too.
A B C D

Exercise 3. Choose the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following questions.

1. I just want to stay at home and watch TV and stress out.
A. sleep B. sit down C. eat D. relax
2. The film is not worth seeing. The plot is too dull.
A. simple B. complicated C. boring D. slow
3. Be careful! The tree is going to fall.
A. Look out B. Look up C. Look on D. Look after
4. The Olympic Games are held every four years.
A. carried B. taken C. brought D. organized
5. My little brother likes watching comedy.
A. prefer B. Kids C. dislike D. hate

Exercise 4. Choose the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

1. Lan enjoys living in the countryside because it is very quiet.
A. silent B. noisy C. loud D. peaceful
2. Linh often wastes money in buying clothes that she just wears a few times.

- A. spends B. pays C. saves D. makes
3. *Hello Fatty!* is a cartoon series about a **clever** fox and his clumsy human friend.
A. smart B. skilful C. careful D. foolish
4. Melbourne is quite a **safe** city to live in.
A. peaceful B. secure C. dirty D. dangerous
5. Rio de Janeiro is an **exciting** city
A. interesting B. dangerous C. boring D. expensive

*** EVERYDAY ENGLISH**

- Question 1. Jack: "TVs can help us reduce the stress." - Jimmy: "_____"
A. I agree with you. B. I hope not.
C. Do you think? D. Do you agree with that?
- Question 2. A: "Congratulations to you on winning the first prize". B: "_____".
A. You're welcome. B. Thanks a lot.
C. It doesn't matter. D. It's my pleasure.
- Question 3. Peter: "Could you pass me the book, please?" Tom: "..."
A. Certainly. Here you are. B. No, I couldn't.
C. Thank you! D. Where is it?
- Question 4. "Excuse me, can you tell me the way to the bus stop?" – "
A. Yes, please. B. Sorry, I'm new here myself.
C. OK. Here's your ticket. D. Sure, go ahead. It's on your right.
- Question 5. "Would you like to go out for a drink?" "
A. Yes, I'd love to B. No, I would
C. Not at all. D. Oh sorry.

III. WRITING

Exercise 5. Mark the letter A, B, C, or D that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

1. Mr. Peter drives to Amsterdam every month.

- A. Mr. Peter goes to Amsterdam by plane every month.
B. Mr. Peter goes to Amsterdam by horse every month.
C. Mr. Peter goes to Amsterdam by car every month.
D. Mr. Peter goes to Amsterdam by bike every month.

2. I like watching sports more than playing sports.

- A. I prefer watching sports to playing sports.
B. I enjoy playing sports.
C. My favorite sports is tennis.
D. The most interesting sports is tennis.

3. I do judo every Tuesday and Thursday.

- A. I do judo three times a week.
B. I do judo once a week.
C. I do judo twice a week.
D. I do judo four times a week.

4. I have to do homework so I won't watch TV tonight.

- A. I won't watch TV tonight because I have to do homework.
B. I won't watch TV tonight but I have to do homework.
C. I won't watch TV tonight and I have to do homework.

D. I won't watch TV tonight or I have to do homework.

5. It's educational to watch this channel.

A. Watching this channel is educational.

B. It's musical to watch this channel.

C. To watch this channel is funny.

D. This channel is boring to watch.

Exercise 2: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

1. We/ watch/ documentary/ know more/ historical events.

A. We watches documentary to know more about historical events.

B. We watch documentary to know more of historical events.

C. We watches documentary to know more of historical events.

D. We watch documentary to know more about historical events.

2. Why/ lot of/ people/ watch television/ every day?

A. Why does a lot of people watch television every day?

B. Why does a lot of people watching television every day?

C. Why do a lot of people watch television every day?

D. Why do a lot of people watching television every day?

3. The first/ sport competition/ held/ Greece/ 776 B.C.

A. The first sport competition is held in Greece in 776 B.C.

B. The first sport competition was held in Greece in 776 B.C.

C. The first sport competition is held on Greece in 776 B.C.

D. The first sport competition was held on Greece in 776 B.C.

4. Many/ tourists/ visit/ Hanoi/ year.

A. Many tourists visited Hanoi every year.

B. Many tourists visit Hanoi every year.

C. Many tourists will visit Hanoi every year.

D. Many tourists has visited Hanoi every year.

5. Malaysia's/ its/ Kuala Lumpur/ and/ is/ largest city/ capital.

A. Kuala Lumpur is Malaysia's capital and its largest city.

B. Malaysia's Kuala Lumpur is capital and its largest city.

C. Kuala Lumpur is its largest city Malaysia's capital and.

D. Kuala Lumpur is Malaysia's its largest capital and city.

Exercise 3. Write complete sentences using the prompts given.

1. not/ watch/ TV/ until/ midnight

2. Michael/ go swimming/ nearly/ every day

3. you/ join in/ the sports competition/ yesterday?

4. That tennis player/ not/ take part/ the tournament/ last week.

5. The weather there/ be/ hot/ than/ in my place.

Exercise 4. Complete the second sentence so that it means the same as the first one.

1. It's a good idea to discuss the problem with our teacher.

We should

2. It's essential that you wear protective clothing in this area.

You must

3. When do you usually wake up in the morning?

What ?

4. You mustn't be late for school, or you'll have trouble with Ms. Loan.

Don't

5. William James is a friend of mine.

William James is one

Exercise 5. Put the words in the correct order to have correct sentences.

1. from/ vacation/ come/ Phu Quoc Island/1/ just/ have/ a/ back/ in.

2. university/ Viet Nam/ the/ was/ Quoc Tu Giam/ first/ in.

3. world/ six/ in/ are/ continents/ there/ the.

4. Viet Nam I tower/ it/ famous/ in/ the/ is/ most.

5. years/ new/ building/ is/ but/ looks/100/ more than/ old/ the/ it.

IV. READING

Exercise 1: Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

1. What does the sign say?



- A. You can continue driving, but be careful of children crossing the sidewalk.
- B. You must stop and allow children to cross the sidewalk.
- C. You should slow down and be careful of children on the sidewalk.
- D. Children are not allowed to cross the sidewalk here.

2. What does this notice say?



- A. Don't check your luggage before leaving the train
- B. Don't put any luggage near the train door.
- C. Leave all your luggage on the train.
- D. Remember to take all your luggage with you.

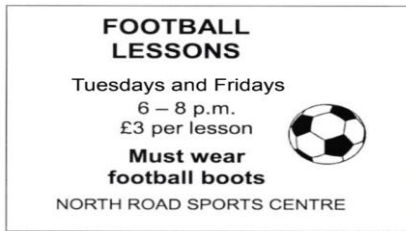
3. What does the sign say?

- A. You should bring your mobile phone inside.
- B. You should not answer your mobile phone.
- C. You should not use your mobile phone.



D. You should keep your mobile phone silent.

4. What does the notice say?



- A. You must prepare football boots.
- B. The football lessons are free
- C. The football lessons are in the morning.
- D. Each lesson last for three hours.

Exercise 2. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

Question 1.

Playing sports is an important part of a healthy lifestyle.

- a. It helps you stay fit, build teamwork skills, and have fun with friends.
- b. Some popular sports include football, basketball, and badminton, which people of all ages enjoy.
- c. Whether played indoors or outdoors, sports bring people together and improve both physical and mental health.

- A. a – b – c
- B. b – c – a
- C. c – a – b
- D. c – b – a

Question 2.

Big cities offer many opportunities for work, education, and entertainment.

- a. Many people move to cities to find jobs and experience a busy and exciting lifestyle.
- b. Some of the most famous cities in the world include New York, London, and Tokyo.
- c. Cities have tall buildings, crowded streets, and many attractions that make them special.

- A. a – b – c
- B. b – c – a
- C. c – a – b
- D. c – b – a

Exercise 3. Read the following passage and choose the correct answer to fill in the blanks.

TELEVISION

Television is one of man's most important (1) _____ of communication. It brings (2) _____ and sounds from around the world into millions of homes. A person with a television (3) _____ can sit in his house and watch the President (4) _____ a speech or visit a foreign country. He can see a war being fought and watch statesmen try to bring about peace. (5) _____ television, home viewers can see and learn about people, places and things in faraway lands. TV even takes its viewers out of this world. It brings them coverage of Americas astronauts as the astronauts explore outer space.

- 1. A. procedure B. manner C. means D. technology
- 2. A. pictures B. photos C. images D. painting
- 3. A. desk B. bench C. chair D. set
- 4. A. make B. say C. read D. compose
- 5. A. By B. Because of C. Through D. In

Exercise 4. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Passage 1

Television is one of the most popular forms of entertainment. People watch television to relax and enjoy different kinds of programs. Some programs help us learn about history, science, and nature, while others are just for fun, like cartoons and comedy shows.

However, watching too much television is not good for children. Doctors say that children should not watch TV for too many hours each day because it can harm their eyes and reduce their physical activity. Even though there are some disadvantages, television can also be very useful. News programs help us know what is happening in the world, and educational shows teach us many interesting things.

To enjoy television in a healthy way, families should set a time limit for watching TV. This way, children can have time for other activities like reading, playing sports, or spending time with family and friends.

1. What is the topic of the passage?
 - A. The history of television
 - B. The importance of education
 - C. Television and its effects
 - D. Sports and entertainment
2. According to the passage, why should children not watch too much television?
 - A. It can be boring.
 - B. It can be bad for their health.
 - C. It is only for adults.
 - D. It is too expensive.
3. What are some educational benefits of watching television?
 - A. Learning about news, history, and science
 - B. Watching funny cartoons all day
 - C. Sleeping while watching TV
 - D. Playing video games on TV
4. The word "**relax**" in the text is CLOSEST in meaning to _____.
 - A. work
 - B. rest
 - C. run
 - D. jump
5. All of the following statements are TRUE EXCEPT _____.
 - A. Watching too much TV can be harmful.
 - B. News programs help people learn about the world.
 - C. Children should watch TV all day long.
 - D. Families should limit TV time for children.
6. The word "**useful**" in the text is OPPOSITE in meaning to _____.
 - A. helpful
 - B. important
 - C. useless
 - D. great

Passage 2

Tokyo is the capital of Japan. In Tokyo, there are always too many people in the place where you want to come. People are very polite even when they often spend a long time on traffic jams. Tokyo is different from London when you want to walk to a place.

During the day, most people travel to work by train. Tokyo people buy six million train tickets every day. Although they are usually crowded, Japanese trains are very good. They always leave and arrive on time. On a London train, everybody in a seat seems to be asleep whether the journey is long or short.

The worst time to be in the street at night is about 11.30 when the nightclubs are closing and everybody wants to go home.

1. What is the best title of the passage?
 - A. The Culture of London
 - B. Traveling in Japan
 - C. Life in Tokyo
 - D. How to Use the Train
2. According to the passage, how do most people in Tokyo travel to work?
 - A. By car
 - B. By train
 - C. By bicycle
 - D. By walking

3. What is TRUE about Japanese trains?
 - A. They are never crowded.
 - B. They are always late.
 - C. They are fast and always on time.
 - D. They are free to use.
4. The word "**polite**" in the text is CLOSEST in meaning to _____.
 - A. rude
 - B. kind
 - C. angry
 - D. noisy
5. According to the passage, when is the worst time to be in the streets of Tokyo at night?
 - A. At 9:00 PM
 - B. At 10:00 PM
 - C. At 11:30 PM
 - D. At midnight
6. The word "**worst**" in the text is OPPOSITE in meaning to _____.
 - A. best
 - B. slowest
 - C. busiest
 - D. longest

Exercise 5: Four phrases/sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

Text 1:

Television is one of the most popular sources of entertainment. . Many families have a television (1) _____. People watch different types of programs, such as news, cartoons, sports, and movies. Some shows are educational and help us (2) _____. People can learn about new cultures and places (3) _____. Parents should guide children on what to watch and how long to watch TV. (4) _____.

- A. It provides a lot of useful information from around the world
- B. learn new things
- C. from travel and documentary programs
- D. set in their living rooms

Question 1: _____ Question 2: _____ Question 3: _____ Question 4: _____

Text 2:

Sports and games are not only fun but also important for our health. They help us stay active and strong. (1) _____. Some people like playing football or basketball, while others enjoy swimming or running.

Playing sports teaches us many valuable lessons. When we play in a team, (2) _____. Even if we lose a game, we should not give up but keep practicing.

Many schools encourage students to join sports clubs. It helps them (3) _____. These activities help students make new friends and stay fit. Parents and teachers also support children in playing sports because they know how important it is. (4) _____

- A. stay healthy and learn teamwork.
- B. There are many different kinds of sports to choose from.
- C. we learn to work with others and respect our teammates.
- D. This is why children should play sports regularly.

Question 1: _____ Question 2: _____ Question 3: _____ Question 4: _____

MÔN: NGHỆ THUẬT – PHẦN ÂM NHẠC

I/ Nội dung ôn tập:

Học sinh học thuộc lòng bài hát và tập đọc nhạc

Trình bày một trong những bài sau (Học sinh bốc thăm bài)

1. Hát bài “ *Mưa rơi.* ”
2. Hát bài “ *Chỉ có một trên đời .* ”
3. Tập đọc nhạc số 3

II/ Yêu cầu:

1. Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm
2. Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp của bài tập đọc nhạc

MÔN: NGHỆ THUẬT – PHÂN MỸ THUẬT

A. Nội dung đề:

1. Vẽ một bức tranh về Ai cập cổ đại trong mắt em
2. Em hãy trang trí họa tiết trống đồng
3. Phân tích vẻ đẹp của họa tiết trống đồng qua hình in

B. Yêu cầu:

- Dụng cụ cần chuẩn bị :Giấy A4,bút chì,tẩy,màu tự do và các vật liệu khác...
- Tham khảo các video hướng dẫn ở internet.
- Mô phỏng được họa tiết trống đồng

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bóng ném

- Loại đạt: thực hiện đúng, đủ các giai đoạn kỹ thuật ném bóng (có thể thi lý thuyết).
- Loại chưa đạt: Thực hiện chưa đúng, chưa đủ các giai đoạn kỹ thuật ném bóng.